

CÔNG TY TNHH VÁN GỖ THUẬN AN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**của dự án đầu tư
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN VENEER VÀ FLYWOOD KIM LONG**

QUẢNG TRỊ, NĂM 2022

CÔNG TY TNHH VÁN GỖ THUẬN AN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án đầu tư**

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN VENEER VÀ FLYWOOD KIM LONG

**CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH VÁN GỖ
THUẬN AN
GIÁM ĐỐC**



**ĐƠN VI TƯ VẤN
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG
GIÁM ĐỐC**



QUẢNG TRỊ, NĂM 2022

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BNNPTNT	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn
2	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
3	ĐKDN	Đăng kí doanh nghiệp
4	BCT	Bộ Công Thương
5	BVMT	Bảo vệ môi trường
6	BXD	Bộ xây dựng
7	BYT	Bộ y tế
8	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
9	CCN	Cụm công nghiệp
10	CHDCND	Cộng hòa dân chủ nhân dân
11	CTNH	Chất thải nguy hại
12	CTR	Chất thải rắn
13	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
14	ĐVT	Đơn vị tính
15	GPMB	Giải phóng mặt bằng
16	HTXL	Hệ thống xử lý
17	KT-XH	Kinh tế - xã hội
18	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
19	PGS.TS	Phó giáo sư, tiến sĩ
20	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
21	QĐ	Quyết định
22	TCN	Tiêu chuẩn ngành
23	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
24	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
25	UBND	UBND
26	WHO	Tổ chức y tế thế giới

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	1
DANH MỤC CÁC BẢNG	4
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	5
1.1. Tên chủ dự án đầu tư:	5
1.2. Tên dự án đầu tư:.....	5
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư.	5
1.3.1. Công suất của dự án đầu tư	5
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	5
1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư	9
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	9
1.4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án.....	10
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước.....	11
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	12
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	12
2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	12
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	13
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	13
3.1.2. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt	14
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	14
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	17
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	17
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	17
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành	18
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không.....	19
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Không.....	19
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	20

<i>4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải</i>	20
<i>4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải</i>	21
<i>4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung</i>	22
CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	23
<i>5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án</i>	<i>23</i>
5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	23
5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	23
<i>5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật</i>	<i>24</i>
5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	24
5.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Không	24
5.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án	24
<i>5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm</i>	<i>24</i>
CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	25
PHỤ LỤC BÁO CÁO	26

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, HÌNH, BẢNG

Sơ đồ 1.1 Sơ đồ công nghệ sản xuất ván phủ veneer.....	6
Sơ đồ 1.2 Sơ đồ công nghệ sản xuất ván flywood	8
Sơ đồ 3.1. Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.....	13
Sơ đồ 3.2. Hệ thống lọc bụi và khí thải lò hơi.....	15
Hình 1.1 Tấm veneer; Hình 1.2 Flywood	9
Hình 3.1. Mặt cắt đường ống thoát nước mưa.	13
Hình 3.2 Mô hình bể tự hoại 3 ngăn	14
Hình 3.3. Sơ đồ thiết bị thu bụi gỗ bằng túi vải.....	16
Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên liệu.....	10
Bảng 4.1 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn theo QCVN.....	20
Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	21
Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn theo quy chuẩn.....	22

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH ván gỗ Thuận An

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Trà Thanh Tây - Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0983620333.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3200630678 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 10 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 15 tháng 6 năm 2021.

1.2. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất veneer và flywood Kim Long.

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô đất DG-01, VLXD-05 tại Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Dự án trên đã được Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Quyết định chấp thuận điều chỉnh Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 99/QĐ-KKT ngày 6/7/2021.

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án: Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 4/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về phê duyệt Phương án điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo ĐTM của Dự án “Nhà máy sản xuất veneer và hàng nội thất Kim Long” thành dự án “Nhà máy sản xuất ván veneer và Plywood Kim Long”;

- Quy mô diện tích sử dụng đất của dự án là: 39.747 m².

- Quy mô công suất sản xuất:

+ Ván phủ veneer công suất 30.000 m³ sản phẩm/năm (tương đương với 5.000.000 m² ván phủ hai mặt).

+ Ván flywood với công suất 100.000 m³/năm.

Dự án thuộc dự án hạ tầng khu công nghiệp: Dự án đầu tư nhóm A (theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư.

1.3.1. Công suất của dự án đầu tư

Dự án Nhà máy sản xuất veneer và flywood Kim Long có công suất như sau:

+ Ván phủ veneer công suất 30.000 m³ sản phẩm/năm (tương đương với 5.000.000 m² ván phủ hai mặt).

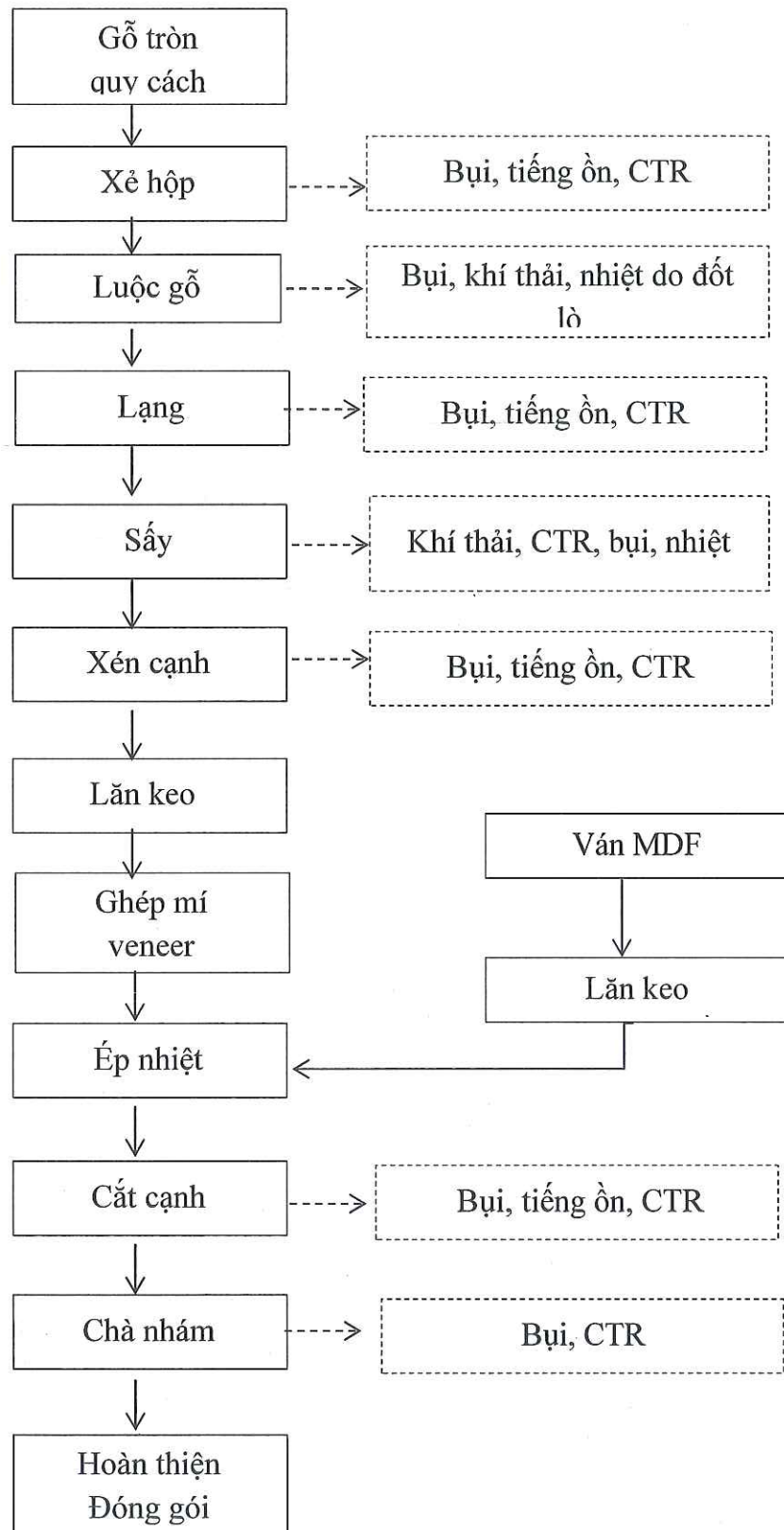
+ Ván flywood với công suất 100.000 m³/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

a. Quy trình sản xuất ván phủ veneer.

Veneer (hay còn gọi là ván lạng) là tấm ván mỏng, được lạng ra từ cây gỗ tròn tự nhiên, với độ dày thông thường vào khoảng 0.3mm-0.6 mm và thường không vượt quá 3 mm (1/8 inch). Tấm veneer có thể dùng để phục vụ cho nhu cầu trang trí cao cấp như nội thất xe hơi, nhạc cụ âm nhạc: violin, guitar...

- Sơ đồ công nghệ sản xuất ván phủ veneer như sau:



Sơ đồ 1.1 Sơ đồ công nghệ sản xuất ván phủ veneer

- **Quy trình sản xuất:**

+ Gỗ tròn: Gỗ tròn đưa vào sản xuất được cắt theo định hình quy cách bằng máy cắt. Sau đó gỗ được đưa vào xẻ hộp.

+ Xẻ hộp: Việc chọn góc để xẻ gỗ theo chiều dọc đòi hỏi phải hiểu rõ loại thớ gỗ, bởi vì thớ gỗ trên bề mặt ván veneer phụ thuộc rất nhiều vào công đoạn này. Gỗ được xẻ hộp theo quy cách định hình và theo hình thái của khúc gỗ.

+ Luộc gỗ: Gỗ sau khi được xẻ thành hộp sẽ được đưa vào lò hấp luộc với mục đích là làm cho các thớ gỗ mềm hơn trước khi đưa vào lạng. Nhiệt độ vào thời gian hấp tùy thuộc vào loại gỗ. Khoảng thời gian này đủ cho các tấm gỗ đạt đến nhiệt độ thông thường xuyên suốt mặt cắt của nó.

+ Lạng gỗ: Việc lạng gỗ được thực hiện khi các khúc gỗ được đưa vào bàn và giữ chặt bằng kẹp chân không để có thể cắt thành từng tấm veneer. Có 2 cách lạng gỗ đó là lạng theo chiều thẳng đứng và chiều ngang. Xẻ gỗ theo chiều thẳng đứng có thể đạt 90 tấm/phút trong khi xẻ theo chiều ngang chỉ đạt công suất khoảng 1 nữa. Các tấm veneer lạng ra có độ dày từ 0,15 đến 0,6mm, tùy thuộc vào máy móc và ý muốn của người sử dụng.

+ Sấy veneer: Khi các tấm veneer được lạng ra sẽ có hình thái khác nhau. Để nhằm tránh sự co rút trong quá trình gia công thì phải qua công đoạn sấy. Tùy thuộc vào độ dày khác nhau mà có hình thức lựa chọn khác nhau:

Loại tấm veneer mỏng (có độ dày <0,3mm) được cán mỏng mà không cần sấy khô. Do mỏng nên khi lạng các tấm veneer sẽ bốc hơi nước nhanh và tính co rút không còn sau khi được ép nóng.

Loại tấm veneer dày ($\leq 0,3$ đến 0,6 mm) cần phải được đưa vào lò sấy trước khi được cắt thành từng tấm. Quy trình sấy gỗ sẽ làm cho độ ẩm của tấm veneer đạt đến mức bảo hoà (độ ẩm thường từ 10 - 12%). Điều này bảo đảm rằng gỗ sẽ không bị co ngấn lại hoặc bị cong sau khi dán keo.

+ Ghép mí: Tấm veneer sau khi được sấy xong và làm nguội sẽ được cắt phẳng mép và lăn keo trước khi đưa vào ghép mí. Mục đích của ghép mí là tạo thành những tấm veneer có bề mặt rộng hơn phù hợp với ván MDF cần dán.

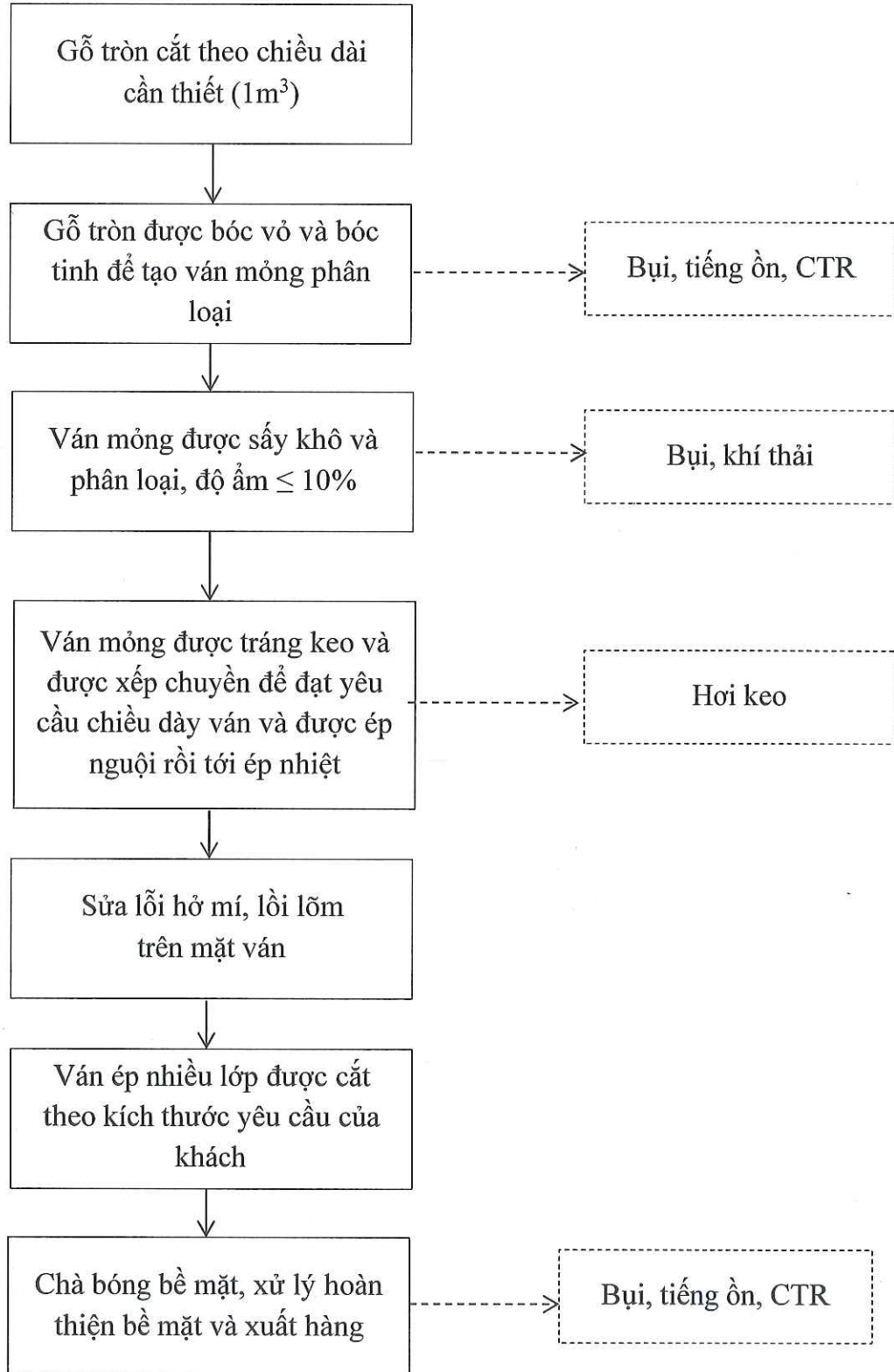
+ Ép nhiệt: Ván MDF/HDF/HMR sẽ được bôi keo qua máy bôi keo sau đó sẽ phủ tấm veneer lên bề mặt ván MDF/HDF/HMR và đưa vào máy ép nóng đa tầng ép. Đảm bảo thời gian ép theo đúng quy trình kỹ thuật, sẽ được tấm ván MDF phủ mặt bằng ván veneer.

+ Hoàn thiện sản phẩm: Ván sau khi được ép xong sẽ được đưa đến công đoạn cắt xén cạnh theo quy thước chuẩn của ván MDF và cuối cùng là đưa qua máy chà nhám để chà bóng mặt ván và chà hết lớp keo đang còn trên bề mặt ván.

b. Quy trình sản xuất ván flywood.

Gỗ Flywood là gỗ công nghiệp được làm từ các tấm gỗ veneer mỏng có cùng kích thước và xếp chồng lên nhau. Các tấm gỗ này được sắp xếp vuông góc với nhau, liên kết chặt chẽ bằng keo, sau đó được ép bằng máy ép thủy lực. Vậy nên kết cấu của flywood rất chắc chắn.

- Sơ đồ công nghệ sản xuất ván flywood như sau:



Sơ đồ 1.2 Sơ đồ công nghệ sản xuất ván flywood

- **Quy trình sản xuất:**

+ Thân gỗ tròn sau khi được về nhà máy sẽ được bóc vỏ và cắt theo nhiều tấm có kích thước quy định.

+ Các tấm gỗ sau khi đã được bóc, lạng thông thường có độ ẩm cao và không phù hợp để tráng keo. Vì vậy sẽ đem sấy khô đến độ ẩm $\leq 10\%$, phân loại những tấm đạt chất lượng để mang đi sản xuất thành các tấm flywood.

+ Tráng keo: Bề mặt ván mỏng cần được bằng phẳng và cần được làm sạch để tránh bụi, dầu, mỡ hay mồ hôi đảm bảo chất lượng dán dính. Các thành phần keo cần được hòa trộn kỹ và nghiêm ngặt theo chỉ dẫn của nhà sản xuất. Do ván ép có tính đối xứng, vì vậy việc sử dụng keo dán cần được cân bằng với các tấm ván mỏng đối xứng qua tâm ván ép. Hàm lượng khô và độ nhớt của keo là các yếu tố quyết định đến định lượng cũng như chất lượng tráng keo cho ván mỏng.

Sau khi phủ hai mặt của mỗi lớp mỏng bằng keo, các lớp dán sau đó được xếp chồng lên nhau. Các veneer liền kề được đặt theo chiều ngang 90 độ với nhau. Điều này sẽ tạo ra một sự gắn kết mạnh mẽ hơn.

Khi nhận được độ dày theo yêu cầu, đưa tấm ván đã được xếp vào máy ép nguội. Việc này để làm phẳng và đảm bảo keo được phân phối đồng đều. Sau đó, đưa tấm ván đi ép nóng trong thời gian quy định để các tấm gỗ mỏng liên kết chặt chẽ với nhau. Nhiệt độ, áp suất, thời gian phải được kiểm soát chặt chẽ.

+ Sau khi ép nóng, ván ép được làm nguội và đưa vào máy cắt tỉa sửa lỗi hở mí, lỗi lõm trên mặt ván.

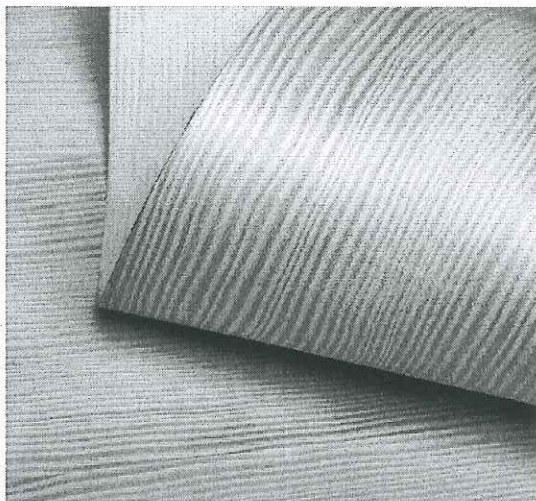
+ Ván ép nhiều lớp được cắt theo kích thước yêu cầu của khách.

+ Chà bóng bề mặt, xử lý hoàn thiện bề mặt và xuất hàng.

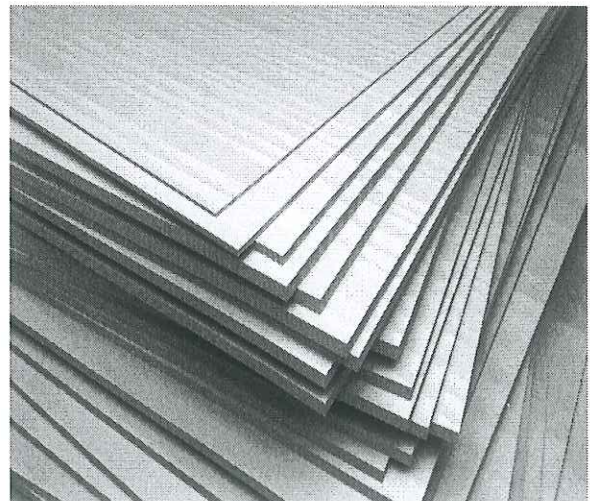
1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

- Ván phủ veneer công suất 30.000 m³ sản phẩm/năm (tương đương với 5.000.000 m² ván phủ hai mặt).

- Ván flywood với công suất 100.000 m³/năm.



Hình 1.1 Tấm veneer



Hình 1.2 Flywood

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.

1.4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án

a. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu

- Nhu cầu nguyên liệu:

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên liệu

STT	Nguyên liệu	Nhu cầu sử dụng	Nguồn nhập
1	Gỗ MDF/HDF/HMR	30.000 m ³ /năm	Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng Trị (dây chuyền 2 tại khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị)
2	Gỗ Xoan, gỗ Sồi	4.000 m ³ /năm	Nguồn nguyên liệu của Nhà máy MDF và nhập ngoài (đối với gỗ Xoan đảo để lạng veneer thì nhập khẩu từ Lào, Campuchia, Malaysia....)
3	Keo kết dính - Keo Phenolic - Keo MR (keo chống thấm) - Keo melamine	1.200 tấn/năm	Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng Trị và Dynea Việt Nam; Công ty TNHH Koatsu gas Kogyo Việt Nam; Công ty TNHH Napao Resins Việt Nam

Hiện nay Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị đang có 01 nhà máy chuyên sản xuất các loại keo sử dụng cho ngành chế biến gỗ như keo UF, keo melamine, keo MR...và công suất thiết kế gấp 2 lần công suất sản xuất thực tế nên đảm bảo rằng sẽ cung cấp nguồn cho dự án. Ngoài ra trên thị trường có rất nhiều nhà máy trong nước và nhập khẩu các loại keo sử dụng cho ngành gỗ, có thể nói đến các doanh nghiệp như Công ty TNHH Dynea Việt Nam (Địa chỉ: KCN Gò Dầu Đường Số 3, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Đồng Nai), Công ty TNHH Koatsu gas Kogyo Việt Nam (Địa chỉ: KCN Long Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Đồng Nai), Công ty TNHH Napao Resins Việt Nam (Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Sóng Thần 2, 10 Đại Lộ Thống Nhất, H. Dĩ An, Bình Dương).

- Nhu cầu nhiên liệu đốt lò: 90 tấn/năm (Gỗ dư thừa, vỏ cây tái sử dụng). Định mức sử dụng củi cho một lò hơi là 37,5 kg/h. Dự án sử dụng 1 lò hơi, thời gian làm việc 300 ngày/năm. Như vậy: lượng nhiên liệu đốt lò = 300 x 8 x 37,5 = 90.000 kg/năm.

b. Nhu cầu vật liệu, hóa chất khác của dự án.

- Giấy nhám, Sơn, bột trám trét, keo 502, xăng dầu, mỡ...: Chiếm tỷ trọng ít trong kết cấu sản phẩm. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều nhà cung cấp các vật tư cung cấp nhà máy chế biến gỗ, hàng mộc. Nguồn được mua từ các nhà sản xuất trong nước như Công ty NHHH Vĩ Đại, Công ty INCHEM Việt Nam, Công ty TNHH Tân Công Quang...

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước

- Nhu cầu về điện phục vụ các hoạt động sản xuất, chiếu sáng và sinh hoạt: Tổ hợp công trình Nhà máy sản xuất ván veneer và flywood Kim Long sẽ lấy điện 22KV từ trạm 110/22kV của KCN Quán Ngang. Điểm đầu điện trung thế được Điện lực Quảng Trị thoả thuận cấp và lắp đặt. Từ điểm đầu điện trung thế vào đến nhà máy sử dụng tuyến cáp 24 KV - Cu/XLPE/PVC 3 x 240 mm².

- Nhu cầu về nước sử dụng sinh hoạt và sản xuất: 60 m³/ngày (nước sinh hoạt, nước làm mát, nước lò hơi, nước tưới cây...). Nguồn nước được đầu nối vào hệ thống cấp nước đi dọc tuyến đường RD - 02 (đường kính D = 150) nối từ đường ống cấp nước Gio Linh - Đông Hà (đường kính D = 400).

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án Nhà máy sản xuất ván veneer và flywood Kim Long phù hợp với các quy hoạch, chiến lược phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt sau đây:

- Quyết định số 989/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN Quán Ngang, tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 21/7/2008 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thành lập KCN Quán Ngang;

- Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết KCN Quán Ngang, tại huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2), tỷ lệ 1/500;

- Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2), tỷ lệ 1/500;

- Quyết định số 12/2012/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2025;

- Công văn số 4893/UBND-CN ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc đầu tư dự án Nhà máy sản xuất veneer và hàng nội thất từ ván MDF/HDF tại Khu công nghiệp Quán Ngang;

- Biên bản thống nhất dự án và giới thiệu vị trí, diện tích đất khảo sát, nghiên cứu đề xuất lập dự án đầu tư tại KCN Quán Ngang giữa Ban quản lý KKT và Công ty TNHH Kim Long Quảng Trị ngày 21/10/2016.

2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án nằm trong KCN Quán Ngang, nguồn nước mưa, nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý chung của KCN.

Nội dung khác không thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

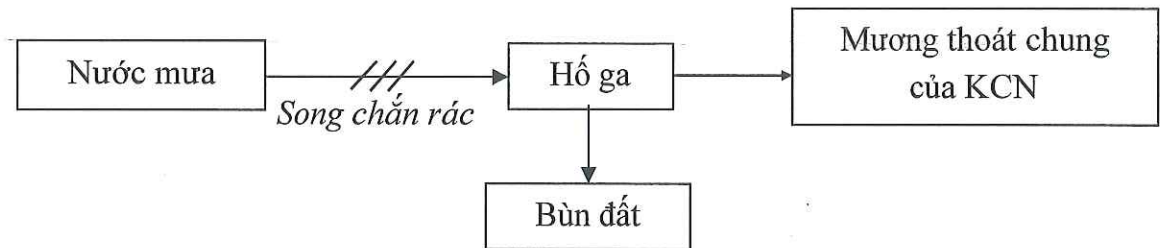
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nhà máy đã xây dựng các mương, rãnh thu gom nước mưa trong bãi chứa nguyên liệu, quanh khuôn viên, trên các mương, rãnh sẽ được lắp các song chắn rác, rác và chất lơ lửng có kích thước lớn được giữ lại tại song chắn rác trước khi chảy về hố ga, tại hố ga nước sẽ được tách các bùn cặn; mương dẫn BTXM $D \times H = 0,5 \times 0,7$ m.

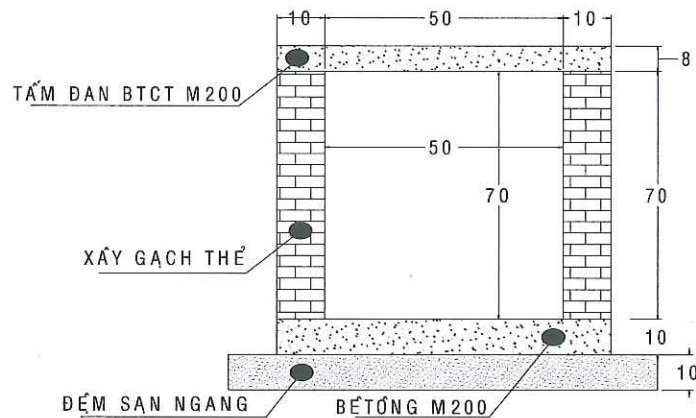
* Nước mưa khu vực thông thường: sau khi qua hệ thống mương thu gom và hố ga sẽ thoát vào hệ thống thoát nước mưa chung của Khu công nghiệp.

Sơ đồ hệ thống:



Sơ đồ 3.1. Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn

- Mặt cắt ngang đường ống thu gom, thoát nước mưa được thiết kế như sau:



Hình 3.1. Mặt cắt đường ống thoát nước mưa.

* Đối với nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa nguyên liệu ngoài trời:

Cuối tuyến thoát nước mưa góc phía Bắc Dự án, bố trí 01 hồ chứa có tác dụng giải nhiệt, tạo cảnh quan, điều hòa lưu lượng kết hợp lắng cặn sau đó nước mưa được chảy tự nhiên qua 02 bể lọc cát sỏi và than nhằm tiếp tục giảm thiểu cặn lắng và độ màu trong nước mưa; sau khi qua hệ thống bể lọc, nước mưa theo

ống dẫn có gắn đồng hồ đo lưu lượng và thải vào cống gom nước thải chung của KCN Quán Ngang.

- Kích thước hồ chứa: D x R x H = 88 x 19,2 x 2,5m.

- Kích thước mỗi bể lọc: D x R x H=5,4x2,7x2,5m.

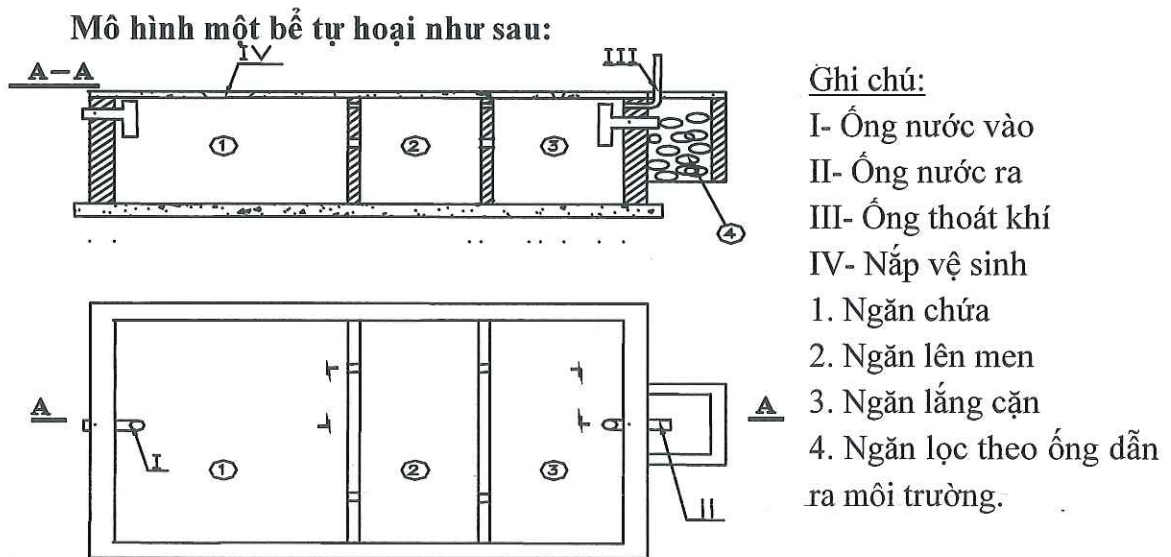
Ngoài ra, Chủ dự án xây dựng nhà có mái che để chứa nguyên liệu gỗ đầu vào nhằm không chịu ảnh hưởng bởi nước mưa.

3.1.2. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Để xử lý nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trên công trường, Chủ dự án xây dựng bể tự hoại 3 ngăn ở khu vực xây dựng nhà vệ sinh.

Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: Phần lắng và phần phân huỷ cặn.

Nước thải sinh hoạt: Đã xây dựng Bể tự hoại 3 ngăn thể tích 26 m³, kết cấu BTCT. Vị trí tại khu vực nhà ăn (15 m³) và khu vực nhà văn phòng làm việc (11 m³).



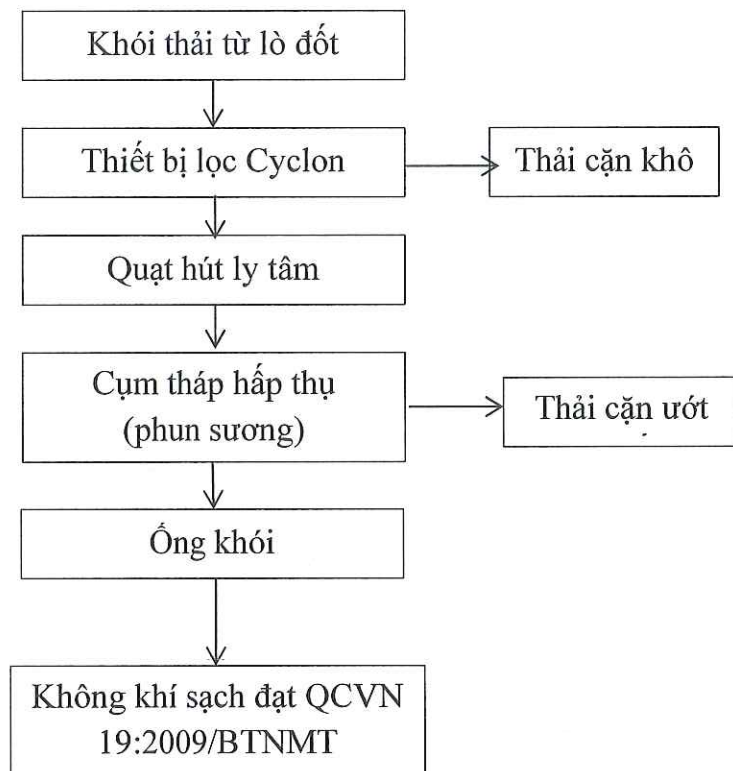
Hình 3.2 Mô hình bể tự hoại 3 ngăn

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

* Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải khu vực lò hơi bằng Cyclon.

Để giảm thiểu bụi và khí thải lò hơi (chủ yếu bụi), Chủ dự án sẽ đầu tư hệ thống thu gom và xử lý bụi bằng cyclone khô và tháp hấp thụ ướt đặt nối tiếp nhau.

Sơ đồ hệ thống xử lý như sau:



Sơ đồ 3.2. Hệ thống lọc bụi và khí thải lò hơi

Một số thông số thiết kế của thiết bị:

- + Thiết bị được làm bằng thép không gỉ.
- + Kích thước ống khói: Đường kính ngoài ống $d = 0,5$ m; chiều dày ống 0,01 m; chiều cao = 20 m.
- + Kích thước cyclon: Đường kính cyclon: $D_0 = 1,2$ m; Đường kính ống xả bụi: $D_d = 0,5$ m; Chiều cao phần hình trụ của cyclon: $H_1 = 2$ m; Chiều cao phần cyclon: $H_2 = 2,3$ m.
- + Lưu lượng qua ống khói: 20.000 m³/giờ.

*** Thuyết minh công nghệ:**

Khói thải sau khi ra khỏi buồng đốt theo ống thải được dẫn qua thiết bị lọc Cyclon để tách loại phần lớn tro bụi, muội than củi nhờ lực ly tâm và trọng lực. Tro bụi và muội than có trọng lượng lớn hơn không khí được lắng ở đáy cyclon. Nhờ quạt hút ly tâm vận chuyển không khí từ cyclon dẫn vào tháp hấp thụ.

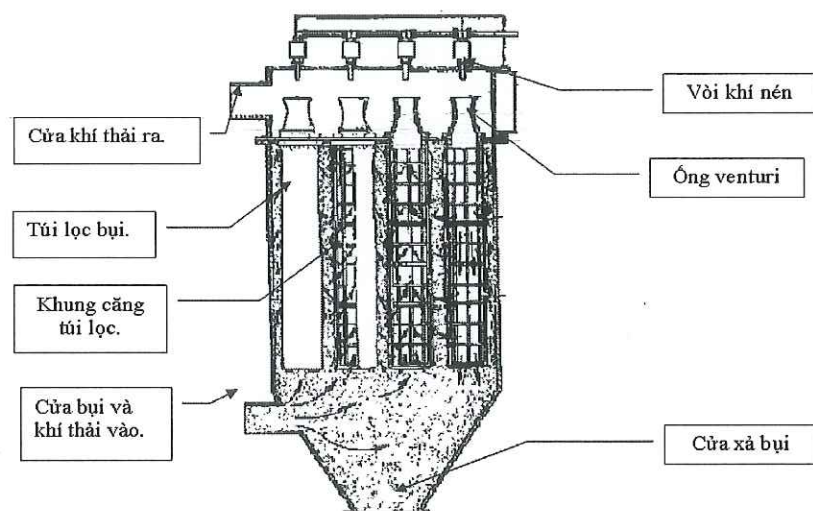
Tháp hấp thụ (phun sương) được thiết kế nhằm để hấp thụ bụi còn lại và các loại khí độc hại sinh ra từ quá trình đốt cháy nhiên liệu bằng nước được cung cấp từ hệ thống bơm định lượng.

Tại tháp hấp thụ, dung dịch hấp thụ (do thành phần khí thải chủ yếu là bụi nên sử dụng nước) được bơm liên tục từ đỉnh tháp xuống các lớp mâm tiếp xúc, bụi và khí thải được dẫn từ dưới đi lên quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha nước giúp quá trình hấp thụ được diễn ra dễ dàng. Khí đi ra khỏi tháp hấp thụ là không khí sạch tiếp tục được đẩy vào ống khói và thải ra ngoài.

Hiệu suất xử lý đến 90%; Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT.

(Bản vẽ chi tiết kèm theo ở phụ lục)

*** Công trình xử lý bụi từ công đoạn xẻ, lạng, xén cạnh, chà nhám: Lắp đặt hệ thống chụp hút và lọc bụi tay áo.**



Hình 3.3. Sơ đồ thiết bị thu bụi gỗ bằng túi vải

***Thuyết minh công nghệ:**

Nguyên lý lọc bụi của vải trong xử lý khí thải như sau: Ở các khu vực phát sinh bụi bố trí các chụp hút vận hành bằng quạt hút ly tâm lưu lượng 25.000m³/giờ; không khí lẫn bụi được dẫn đi qua 01 túi vải lọc, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải sẽ bị giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây, các hạt nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện, dần dần lớp bụi thu được dày lên tạo thành lớp màng trợ lọc, lớp màng này giữ được cả các hạt bụi có kích thước rất nhỏ. Hiệu quả lọc đạt tới 99,8% và lọc được cả các hạt rất nhỏ là nhờ có lớp trợ lọc. Sau 1 khoảng thời gian lớp bụi sẽ rất dày làm sức cản của màng lọc quá lớn, ta phải ngưng cho khí thải đi qua và tiến hành loại bỏ lớp bụi bám trên mặt vải. Thao tác này được gọi là hoàn nguyên khả năng lọc.

Bụi sau khi thu được từ quá trình lọc bụi túi vải được dẫn về xilo chứa, định kỳ đem sử dụng làm nhiên liệu đốt.

(Hình ảnh thực tế kèm theo ở phụ lục)

*** Biện pháp khác:**

- Đã trồng cây xanh (keo lá tràm và cây cảnh) trong khuôn viên khu vực, diện tích trên 20% tổng diện tích.
- Thường xuyên vệ sinh khuôn viên nhà xưởng (tần suất tối thiểu 02 lần/tuần);
- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho CBCNV: 02 bộ/năm.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Công trình lưu giữ CTR sinh hoạt: Tổng lượng rác thải sinh hoạt giai đoạn hoạt động là 60 kg/ngày. Bố trí 03 thùng đựng rác loại 120L tại khu nhà ở của CBCNV, định kỳ hợp đồng Trung tâm Môi trường và Công trình đô thị huyện Gio Linh thu gom, xử lý.

- Thu gom xử lý CTR sản xuất:

+ CTR là bụi gỗ, vỏ cây, bụi thu từ hệ thống lọc bụi được tái sử dụng làm nhiên liệu đốt, không thải ra bên ngoài.

+ Chất thải là tro phát sinh từ lò sấy sẽ được Chủ dự án định kỳ hàng ngày thu gom vào các bao tải tập trung tại bể chứa, sau đó hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh đem đi xử lý.

Ngoài ra, chất thải rắn phát sinh từ các khu vực khác như từ hồ ga cũng được Chủ dự án định kỳ hàng tuần thu gom và xử lý như chất thải rắn sinh hoạt.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại: Bố trí 01 thùng đựng chuyên dụng 120L, lưu kho và định kỳ hợp đồng với đơn vị có năng lực xử lý.

Chất thải nguy hại trong Nhà máy được thu gom theo đúng quy định. CTNH sẽ được thu gom hằng ngày và xây dựng một khu vực kho chứa trong khuôn viên. Các CTNH được để riêng với chất thải rắn sinh hoạt, sau một thời gian khi đủ số lượng sẽ hợp đồng xử lý với Công ty Sông Thu - Đà Nẵng (đã được Tổng cục môi trường cấp giấy hành nghề quản lý CTNH).

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tiếng ồn từ máy móc, thiết bị và các phương tiện xe cơ giới, Dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc quá cũ, lạc hậu.
- Các loại xén, lạng được cân chỉnh và cố định bằng các bộ móng hạn chế rung động.

- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.

- Đối với khu vực máy xén và lạng gỗ là nơi phát sinh độ ồn cao sẽ được đổ bê tông đáy và xây tường bao xung quanh, các máy móc này được cân chỉnh, cố định bằng các bệ móng và đặt trong nhà xưởng được xây tường cách âm. Ngoài ra, công nhân làm việc trong nhà máy được trang bị các thiết bị chống ồn.

- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị khi quá tải.

- Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần theo quy định, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Nhà máy.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng, sân bãi nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

a) Phòng ngừa sự cố cháy, nổ

Xây dựng phương án PCCC trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC;

b) An toàn lao động

- Nhà máy bắt buộc tất cả công nhân lao động trong giờ làm việc phải sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động (quần áo, mũ, găng tay, giày ủng, khẩu trang, kính mắt, bông tai,...) tránh trường hợp có mà không sử dụng.

- Tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao tay nghề, huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành.

- Thường xuyên và định kỳ 6 tháng/lần khám sức khỏe cho công nhân lao động trong Nhà máy.

- Cấm công nhân sử dụng bia rượu trong giờ làm việc.

- Thực hiện biện pháp sơ cứu và cấp cứu kịp thời khi có sự cố xảy ra.

c) An toàn giao thông

- Các phương tiện giao thông đường bộ của CBCNV, các xe vận chuyển hàng hoá của Công ty phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định và tuyệt đối chấp hành Luật giao thông đường bộ hiện hành.

- Các tuyến giao thông đoạn vào khu vực Dự án (ngã 3 điểm giao giữa tuyến đường Trung tâm KCN với Quốc Lộ 1A, công ra vào khu vực) sẽ được bố trí biển báo, các chỉ dẫn rõ ràng về tốc độ, hướng rẽ,...

- Các tài xế không được sử dụng bia rượu trong khi điều khiển phương tiện.

- Khi vận hành tuyệt đối không được chở quá tải đối với quy định. Các loại phương tiện như máy xúc, máy ủi có bánh xích phải được chở vào khu vực bằng xe chuyên dụng, không được chạy trực tiếp trên đường.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Chủ đầu tư cơ bản tuân thủ hầu hết các nội dung theo báo cáo ĐTM đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 4/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về phê duyệt Phương án điều chỉnh một số nội dung trong báo cáo ĐTM của Dự án "Nhà máy sản xuất veneer và hàng nội thất Kim Long" thành dự án "Nhà máy sản xuất ván veneer và Plywood Kim Long".

Riêng hạng mục xử lý khí thải tại lò đốt, do trước đây Chủ Dự án dự kiến sử dụng đa dạng các loại nhiên liệu như dầu, than, củi nên đề xuất thêm tháp hấp thụ bằng Xút (dung dịch NaOH). Tuy nhiên, hiện nay lò đốt sử dụng nhiên liệu hoàn toàn bằng củi, gỗ bìa, mùn cưa, vỏ cây nên chủ yếu phát sinh bụi gỗ. Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, nồng độ bụi vượt khoảng 4,83 lần so với QCVN 19:2009/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với bụi và các chất vô cơ; đối với các chất ô nhiễm khác như SO₂, NO_x, CO₂ thường thấp hơn QCVN 19:2009/BTNMT, riêng SO₂ hầu như rất thấp do trong gỗ tự nhiên không có lưu huỳnh (S). Như vậy, việc sử dụng Xút cho tháp hấp thụ là không cần thiết, Chủ dự án sử dụng tháp hấp thụ bằng nước là hợp lý và vẫn đảm bảo hiệu suất xử lý bụi khoảng 85 - 90% (do bụi đã được qua hệ thống Xyclon khô đã giảm đi đáng kể), kết quả sẽ được kiểm chứng cụ thể ở bước vận hành thử nghiệm công trình.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt lò bằng củi, gỗ vụn, mùn cưa,... để cung cấp nhiệt cho lò hơi.

+ Nguồn số 2: Bụi gỗ phát sinh từ các công đoạn xẻ hộp, lạng, xén cạnh, chà nhám...

- Lưu lượng xả khí thải tối đa:

+ Nguồn số 1: 20.000 m³/giờ.

+ Nguồn số 2: 25.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải:

+ Nguồn số 1: Quá trình đốt lò sẽ phát sinh các chất ô nhiễm như CO, NO_x, SO₂, bụi tro, trong đó: Nồng độ SO₂ rất thấp, xem như không đáng kể do thành phần gỗ tự nhiên hầu như không chứa S; Nồng độ NO_x, CO thấp hơn so với QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Tác nhân ô nhiễm cần xử lý trong khói thải lò đốt chính là phần bụi tro bị cuốn theo luồng khí vượt QCVN 19:2009/BTNMT (nếu không xử lý).

+ Nguồn số 2: Thành phần và tính chất của bụi ở đây chủ yếu là bụi cơ học (bụi nguồn gốc thảo mộc, gỗ).

Bảng 4.1 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn theo QCVN

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K _p =1,0; K _v = 1,0)	QCVN 02 : 2019/BYT (Bụi nguồn gốc từ thảo mộc, gỗ) – Bụi hô hấp
1	Bụi lò đốt	mg/Nm ³	200	-
2	Bụi ở khu vực xẻ hộp, lạng, xén cạnh, chà nhám...	mg/m ³	-	3,0

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Nguồn số 1: Vị trí xả khí thải có tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106°15', múi chiếu 3°): X: 1.868.374m; Y: 588.545m; được xả thải qua ống khói cao 20m theo phương thức trực tiếp; Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý lọc bụi đảm bảo theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, với hệ số K_p = 1,0 và K_v = 1,0)

+ Nguồn số 2: Vị trí xả thải phân tán, tuy nhiên sau khi qua chụp hút sẽ xả bụi và thoát luồng khí sạch tại xilo chứa bụi; tọa độ vị trí xilo (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106°15', múi chiều 3°): X: 1.868.363m; Y: 588.450m. Sau khi xử lý, nồng độ bụi tại các khu vực sản xuất đạt QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc (bụi hô hấp không chứa silic nguồn gốc gỗ, thảo mộc).

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải từ quá trình sinh hoạt từ 120 CBCNV.

- Lưu lượng xả tối đa: 12 m³/ngày.đêm.

- Dòng nước thải: sau khi xử lý ở bể tự hoại ở 02 khu vực (nhà ăn công nhân và nhà văn phòng làm việc), nước thải sẽ được dẫn theo 01 mương dẫn (01 dòng xả) vào công trình thu gom nước thải về khu xử lý chung của KCN Quán Ngang (hiện đã có gấn đồng hồ đo lưu lượng thải).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Đặc thù sản xuất của nhà máy không phát sinh nước thải sản xuất do đó nước thải phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, thành phần chủ yếu chứa các chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, dầu mỡ, amoni, coliform....Các chất này trước khi xử lý đều có nồng độ ô nhiễm cao, vượt quá Quy chuẩn 14:2008/BTNMT (cột B) trong đó $C_{max} = C \times K$ với $K=1,2$).

+ Chất lượng nước thải đề nghị cấp phép xả thải: Chất lượng nước thải được xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải – theo QCVN 14:2008/BTNMT cột B (trong đó $C_{max} = C \times K$ với $K=1,2$).

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN
			14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000

* Ghi chú:

- Quy chuẩn 14:2008/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

- K=1,2: áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người;

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả thải nằm ở góc phía Bắc dự án, có tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106°15', múi chiếu 3°): X: 1.868.404m; Y: 588.547m.

+ Phương thức xả thải: tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận: công gom nước thải chung của KCN và dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của máy bóc vỏ, máy xát, máy sấy tinh bột, máy phát điện, quạt gió, xe vận chuyển nguyên liệu.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn theo quy chuẩn

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 27:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn (khu vực thông thường 6-21 giờ)	dBA	70	-
2	Độ rung (khu vực thông thường 6-21 giờ)	dB	-	75

Ghi chú: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(A. trường hợp dự án đầu tư được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của luật bảo vệ môi trường)

5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

Theo khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “5. Đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải”. Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP nên Chủ dự án xây dựng kế hoạch vận hành thử nghiệm như sau:

5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Đối với Dự án sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi và khí thải.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: khoảng 80 ngày kể từ ngày thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

- Công suất dự kiến đạt được: 100% công suất.

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

* Vị trí khu lò đốt:

- Số lượng mẫu, tần suất lấy mẫu: Giai đoạn ổn định lấy 3 mẫu đầu ra trong 3 ngày liên tiếp cho 2 vị trí (ống khói lò đốt và ống thoát khí khu vực xilo).

- Thông số quan trắc: Ống khói lò đốt: bụi, CO, NOx, lưu lượng; bụi tại ống thoát khí khu vực xilo.

Ngoài ra, trong giai đoạn vận hành thử nghiệm sẽ lấy 03 mẫu bụi trong môi trường lao động để đối chiếu (tại khu vực cửa xe, bào chà nhám);

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp=1, Kv=1); QCVN 02:2019/BYT;

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch: Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng, Phòng thử nghiệm VIMCERTS 263.

5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc nước thải: Dự án có lưu lượng thải < 200 m³/ngày đêm nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ hoặc tự động liên tục theo quy định tại Phụ lục XXVIII, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Dự án có lưu lượng thải < 50.000 m³/giờ nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ hoặc tự động liên tục theo quy định tại Phụ lục XXIX - Dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xả bụi, khí thải công nghiệp ra môi trường phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

5.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Không

5.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

Để đảm bảo theo dõi vệ sinh an toàn lao động, chăm sóc sức khỏe của CBCNV, Chủ Dự án đề xuất quan trắc định kỳ như sau:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực sản xuất

- Thông số giám sát: Bụi, vi khí hậu, độ ồn.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 26/2016/BYT; QCVN 24/2016/BYT;

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc và lập báo cáo công tác BVMT: khoảng 20 triệu đồng/năm.

CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Nhằm đảm bảo tốt công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động, Chủ dự án cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan như sau:

+ Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT; QCVN 02/2019/BYT; QCVN 26/2016/BYT; QCVN 24/2016/BYT; QCVN 19:2009/BTNMT.

+ QCVN 08 - MT:2015/BTNMT - QCKTQG về chất lượng nước mặt.

+ QCVN 09:2015/BTNMT - QCKTQG về chất lượng nước dưới đất.

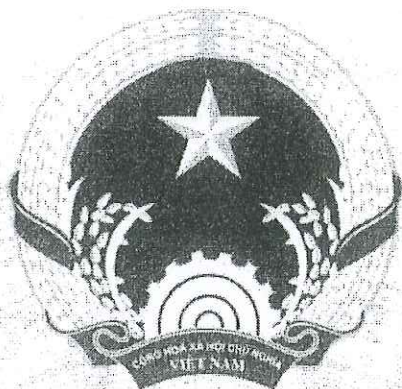
+ QCVN 14:2008/BTNMT - QCKTQG về nước thải sinh hoạt.

- Chủ dự án cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu trong quá trình hoạt động của Dự án làm nảy sinh các tác động tiêu cực, gây thiệt hại đến tài sản, sức khỏe của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường trong khu vực.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.
- Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến môi trường; các hợp đồng xử lý chất thải.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Kim Long Quảng Trị

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3200630678
do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 05/10/2016,
đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01/11/2018

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang,
huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

CM 470992

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất :

a) Thửa đất số: 04, 108 , Tờ bản đồ số : 28, 05

b) Địa chỉ : Khu Công nghiệp Quán Ngang,
xã Gio Châu, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

c) Diện tích : 39.565,0 m²

(Bằng chữ: Ba mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi lăm mét vuông)

d) Hình thức sử dụng : + Riêng: 39.565,0 m² + Chung: không

d) Mục đích sử dụng : Đất khu công nghiệp

e) Thời hạn sử dụng : Đến ngày 19 tháng 12 năm 2066

g) Nguồn gốc sử dụng : Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở : -/-

3. Công trình xây dựng khác : Nhà máy sản xuất Veneer và hàng nội thất Kim Long

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà điều hành sản xuất (2 tầng)	176.4	327.4	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà ăn ca 1 tầng	197.6	197.6	Sở hữu riêng	IV	-/-
Nhà sản xuất VENEER	5540.4	5540.4	Sở hữu riêng	II	-/-
Mái che xử lý gỗ	744.0	744.0	Sở hữu riêng	IV	-/-
Kho gỗ tròn	3079.0	3079.0	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà bảo vệ	19.8	19.8	Sở hữu riêng	IV	-/-
Nhà để xe	126.0	126.0	Sở hữu riêng	IV	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng : -/-

5. Cây lâu năm : -/-

6. Ghi chú :

Quảng Trị, ngày 10 tháng 01 năm 2019
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢNG TRỊ

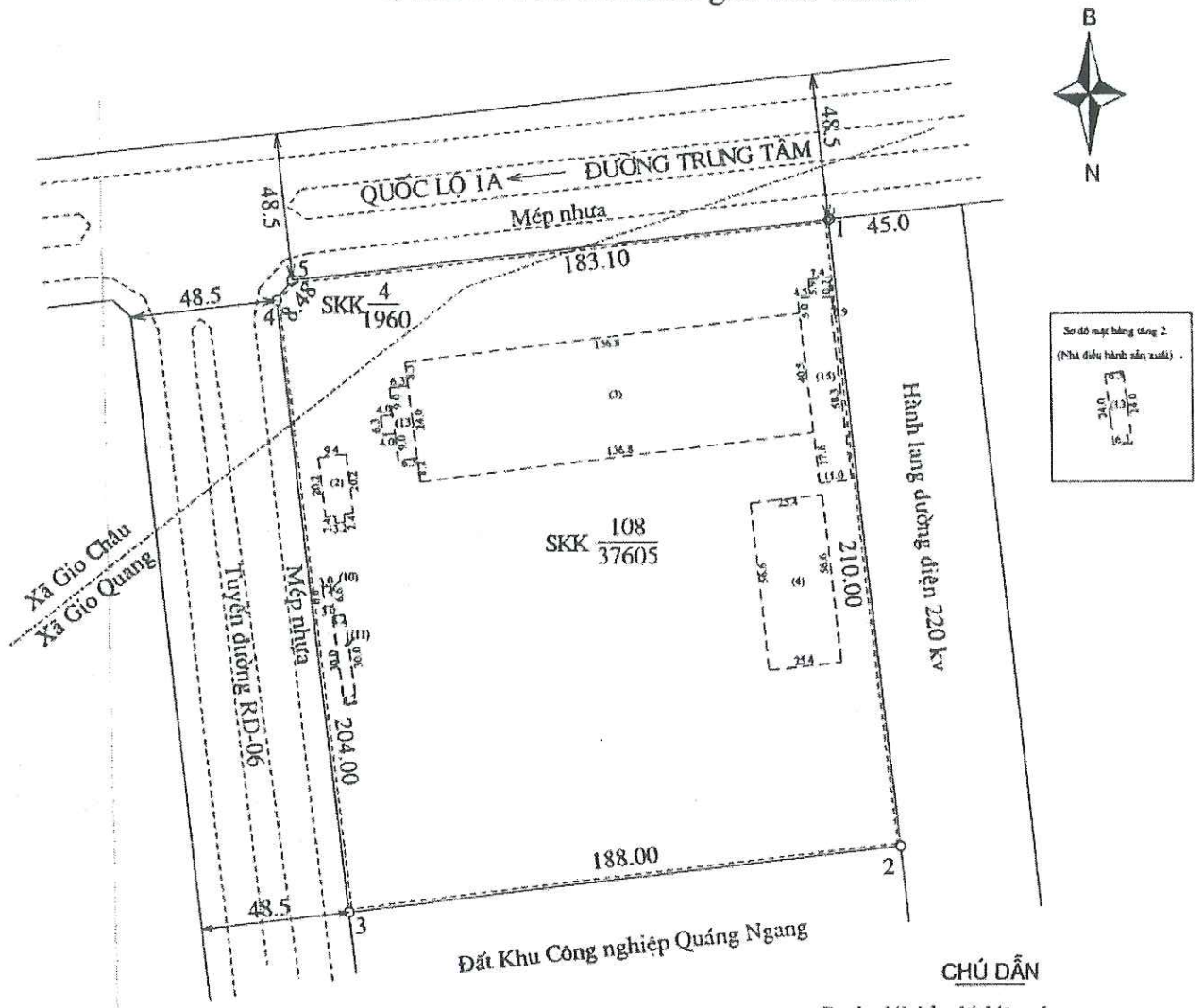


GIÁM ĐỐC *th*

Chuhy
Võ Quốc Hoàng

Số vào sổ cấp GCN : CT 04735.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



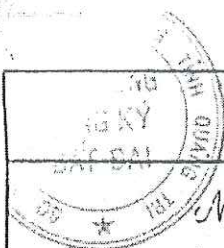
BẢNG KÊ TOA ĐỘ
(THEO HỆ TOA ĐỘ VN 2000)

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
1	1868410.50	589637.83	
2	1868201.82	589661.11	210.00
3	1868180.32	589474.36	188.00
4	1868382.93	589450.79	204.00
5	1868389.57	589456.05	8.48
1	1868410.50	589637.83	183.10

CHÚ DẪN

- Ranh giới thửa đất hiện có: ————
- Ranh giới thửa đất cấp giấy: = = = = =
- Công trình xây dựng: - - - - -
- (13) Nhà điều hành sản xuất 2 tầng:
- (2) Nhà ăn ca 1 tầng:
- (3) Nhà sản xuất VENEER 1 tầng:
- (15) Mái che xử lý gỗ:
- (4) Kho gỗ tròn:
- (10) Nhà bảo vệ:
- (11) Nhà để xe:

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



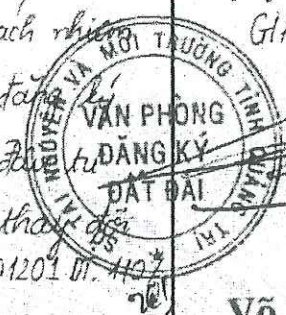
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người sử dụng đất đổi tên từ Công ty Trách nhiệm
hữu hạn Kim Long Quảng Trị thành Công ty Trách nhiệm
hữu hạn Vạn gỗ Thuận An; Giấy chứng nhận đăng
kí doanh nghiệp số 3200630678 do Sở Kế hoạch và Đầu
tư Quảng Trị cấp ngày 05/10/2016, đăng ký thay đổi
lần thứ 5, ngày 15/6/2021 theo hồ sơ số: 001201 DT. 1107

Ngày 30/6/2021

GIÁM ĐỐC



Võ Văn Nam



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

45.19552.19.001201

Ghi chú: Xem theo Giấy chứng nhận này có trang bổ sung số 01

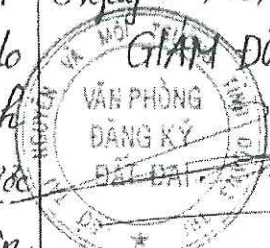
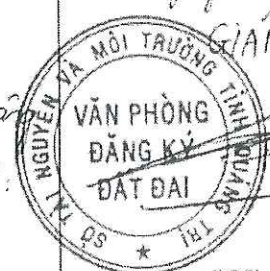
TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 04, 108

Tờ bản đồ số: 28, 05

Số phát hành GCN: CM 470992

Số vào sổ cấp GCN: CT C1735

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 21/9/2017 tại giấy chứng nhận số CH 054426 có thay đổi do tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai nay đã hình thành và được chứng nhận quyền sở hữu vào giấy chứng nhận số CM 470992, theo hồ sơ số: 001201.TC.022/x.</p>	<p style="text-align: right;">Ngày 28/02/2019.</p> <div style="text-align: center;">  <p>GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI</p> </div> <p style="text-align: right;">Võ Văn Nam</p>
<p>Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 28/02/2019 có thay đổi do Quốc sử dụng đất đổi tên từ Công ty TNHH Lâm Long Quang Trí thành Công ty TNHH Vạn gỗ Thuận An, theo hồ sơ số: 001201.TC.111/x.</p>	<p style="text-align: right;">Ngày 30/6/2021</p> <div style="text-align: center;">  <p>GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI</p> </div> <p style="text-align: right;">Võ Văn Nam</p>

Trang bổ sung này: luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<i>(Chuyển tiếp Trang bổ sung số:)</i>	

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3200630678

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 10 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 15 tháng 06 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VÁN GỖ THUẬN AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THUAN AN WOOD PLANK CO.,LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu Công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Quang, Huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 0983620333

Fax:

Email: toankhanhtran1011@gmail.com Website:

3. Vốn điều lệ 19.200.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười chín tỷ hai trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐẶNG VĂN LƯƠNG	Việt Nam	Số 39 Huỳnh Khương Ninh, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	8.400.000.000	43,750	021575233	
2	HOÀNG MINH HIẾU	Việt Nam	Xóm 9, Xã Diên Thịnh, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	6.190.000.000	32,240	187736317	
3	TA HỮU LEN	Việt Nam	Khu phố 1, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	3.910.000.000	20,365	182066311	

Số: 99 /QĐ-KKT

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(cấp lần đầu: ngày 19 tháng 12 năm 2016)

(điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 06 tháng 7 năm 2021)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1229/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 291/QĐ-KKT do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị cấp ngày 29 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Kim Long Quảng Trị nộp ngày 14 tháng 5 năm 2021 và hồ sơ bổ sung do Công ty TNHH ván gỗ Thuận An nộp ngày 17 tháng 6 năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đầu tư và Doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án Nhà máy sản xuất veneer và hàng nội thất Kim Long đã được chấp thuận tại Quyết định chủ trương đầu tư số 291/QĐ-KKT do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị cấp ngày 29 tháng 12 năm 2016 với nội dung điều chỉnh như sau:

4. Nội dung điều chỉnh thứ tư:

Nội dung “Quy mô dự án” quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư số 291/QĐ-KKT do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị cấp ngày 29 tháng 12 năm 2016 được điều chỉnh như sau:

“ Quy mô dự án:

- Công suất thiết kế :

+ Dây chuyền phủ mặt ván MDF /HDF bằng Veneer công suất 30.000 m³ sản phẩm/năm (tương đương với 5.000.000 m² ván phủ 2 mặt).

+ Dây chuyền sản xuất ván flywood, công suất 100.000 m³/ năm.

- Sản phẩm cung cấp: Ván MDF/HDF/FLYWOOD phủ mặt bằng Veneer; ván flywood đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu 80%.”.

5. Nội dung điều chỉnh thứ năm:

Nội dung “Tiến độ thực hiện dự án đầu tư” quy định tại khoản 8 Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư số 291/QĐ-KKT do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị cấp ngày 29 tháng 12 năm 2016 được điều chỉnh như sau:

“ Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Tiến độ xây dựng cơ bản:

+ Tháng 09 năm 2017: Khởi công, xây dựng công trình Nhà xưởng 1 (nhà xưởng phủ veneer) và một số hạng mục công trình thiết yếu;

+ Tháng 05 năm 2019: Xây dựng hoàn thành công trình Nhà xưởng 1 và một số hạng mục công trình thiết yếu;

+ Tháng 07 năm 2021: Khởi công, xây dựng công trình Nhà xưởng 2 (nhà xưởng sản xuất ván flywood) và các hạng mục công trình thiết yếu còn lại;

+ Tháng 12 năm 2021: Hoàn thành đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động.

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động:

+ Tháng 12 năm 2018: Đưa Nhà xưởng phủ veneer đi vào hoạt động và sản xuất kinh doanh, cung cấp sản phẩm ra thị trường

+ Tháng 12 năm 2021: Đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động và sản xuất kinh doanh, cung cấp sản phẩm ra thị trường.”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1. Các Sở, ban, ngành và địa phương: Theo chức năng quản lý nhà nước được giao, các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát Công ty TNHH ván gỗ Thuận An triển khai thực hiện dự án đầu tư sau khi điều chỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2044/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 04 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất veneer và hàng nội thất Kim Long” thành Dự án “Nhà máy sản xuất ván veneer và flywood Kim Long”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;

Xét nội dung báo cáo những nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất veneer và hàng nội thất Kim Long” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 17/CV ngày 18/7/2021 của Công ty TNHH Ván gỗ Thuận An;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2346/TTr-STNMT ngày 20/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất veneer và hàng nội thất Kim Long” thành Dự án “Nhà máy sản xuất ván veneer và flywood Kim Long” với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ Dự án

1. Chủ dự án chỉ được thực hiện thay đổi tại Điều 1 sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

2. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, chương trình quan trắc và quản lý môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.



PHỤ LỤC 1
CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CỦA DỰ ÁN
“Nhà máy sản xuất veneer và hàng nội thất Kim Long”

(Kèm theo Quyết định số ~~2011~~ /QĐ-UBND ngày ~~04~~ tháng ~~8~~ năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Nội dung đã phê duyệt

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất veneer và hàng nội thất Kim Long.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Kim Long – Quảng Trị. Giám đốc: Ông Cao Sỹ Toàn.
- Vị trí dự án và ngành nghề được phê duyệt: Dự án Nhà máy sản xuất veneer và hàng nội thất có diện tích 39.747 m², đặt tại các lô đất DG-01, VLXD-05 tại KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
- Quy mô công suất:
 - + Ván phủ veneer công suất 30.000m³ sản phẩm/năm (tương đương với 5.000.000 m² ván phủ 2 mặt).
 - + Hàng nội thất (ván lát sàn, cánh cửa công nghiệp) công suất 1.000.000 m²/năm.

2. Nội dung điều chỉnh

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất ván veneer và flywood Kim Long.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Ván gỗ Thuận An.
Giám đốc: Ông Trà Thanh Tây.
- Quy mô công suất:
 - + Ván phủ veneer công suất 30.000 m³ sản phẩm /năm (tương đương với 5.000.000 m² ván phủ 2 mặt).
 - + Ván flywood với công suất 100.000 m³/năm.
- Đánh giá lại toàn bộ chất thải phát sinh của các dây chuyền sản xuất cũng như sinh hoạt hiện có của Nhà máy, kế thừa và hoàn thiện các đánh giá của báo cáo đánh giá tác động môi trường giai đoạn trước đồng thời đưa ra biện pháp phù hợp.
- Kế thừa, điều chỉnh chương trình giám sát môi trường để phù hợp với phát sinh thực tế các nguồn thải.

TT	Nội dung	DT xây dựng thực tế (m ²)	Tỉ lệ sử dụng (%)
9	Mái che xử lý gỗ	670,5	1,70
10	Bàn cân gỗ	162	0,41
11	Kho ván mỏng	1.200	3,05
12	Mái che số 2	1.144	2,91
13	Bể lọc nước thải	27,5	0,07
14	Nhà vệ sinh	18,9	0,05
15	Mái che số 3	1,404	3,57
16	Nhà sản xuất ván Flywood	5,163.2	13,11
17	Kho hàng Veneer	3,285	8,34
18	Đường giao thông	7,106	18,05
19	Cây xanh bao phủ	10,053	25,54
	Tổng cộng	39.747	100

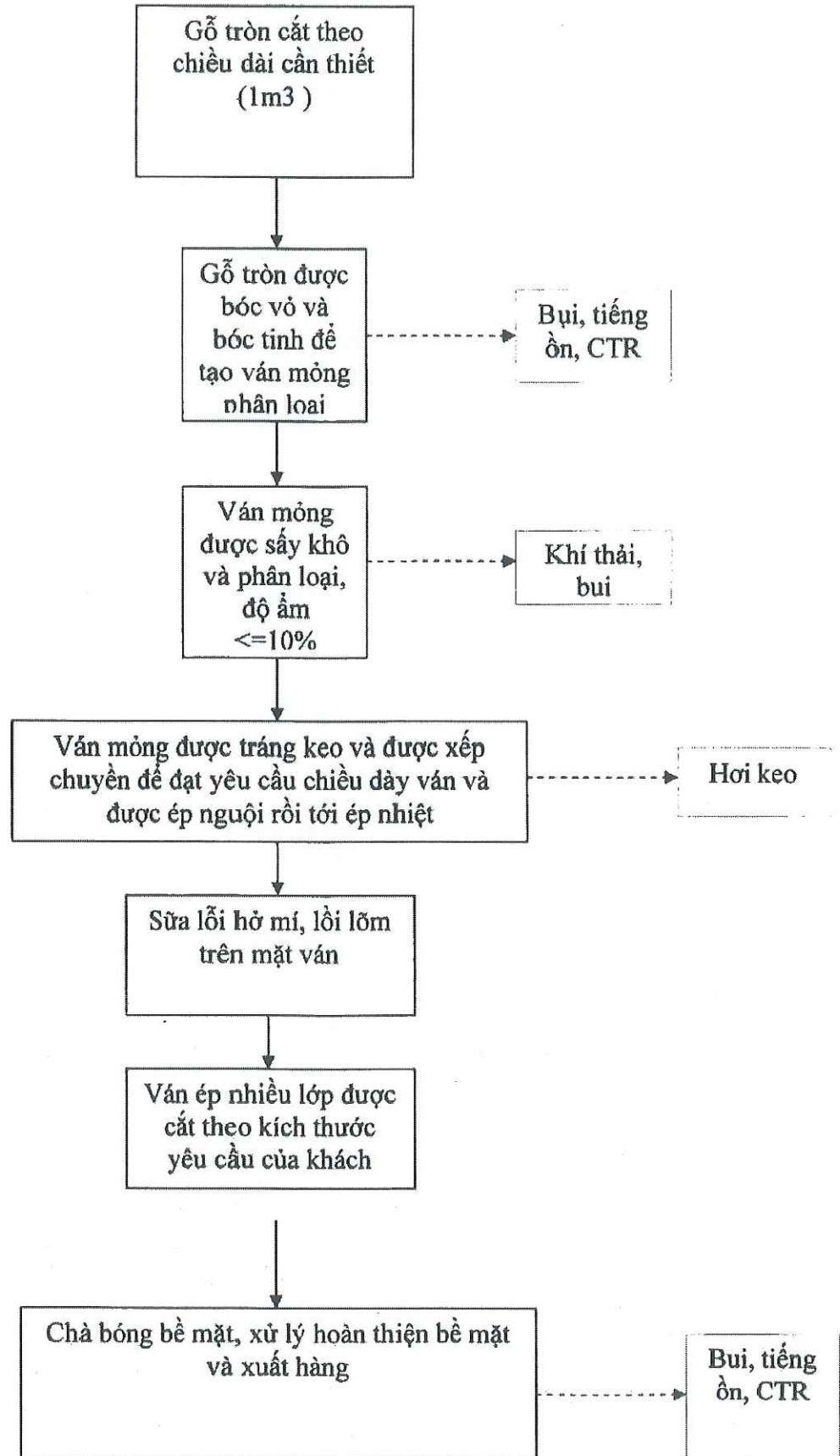
- Quy mô công suất sản xuất:

+ Ván phủ veneer công suất 30.000 m³ sản phẩm /năm (tương đương với 5.000.000 m² ván phủ 2 mặt).

+ Ván flywood với công suất 100.000 m³/năm.

1.5. Công nghệ sản xuất, vận hành

Sơ đồ công nghệ sản xuất ván flywood như sau:



* Công trình xử lý bụi và khí thải từ hệ thống lò hơi: lắp đặt thiết bị lọc Cyclon được làm bằng thép không rỉ.

+ Kích thước ống khói: Đường kính ngoài ống $d = 0,5$ m; chiều dày ống 0,01 m; chiều cao = 20 m.

+ Kích thước cyclone: Đường kính cyclone: $D_0 = 1,2$ m; Đường kính ống xả bụi: $D_d = 0,5$ m; Chiều cao phần hình trụ của cyclone: $H_1 = 2$ m; Chiều cao phần cyclone: $H_2 = 2,3$ m.

* Công trình xử lý bụi từ công đoạn xẻ, lạng, xén cạnh, chà nhám: bố trí 01 hệ thống thu bụi bằng túi vải.

* Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn.

* Cây xanh: Công ty sẽ tiến hành trồng các vườn cây xanh trong khuôn viên Nhà máy, xung quanh các tường rào sẽ được Công ty trồng 2 hàng cây xanh, còn tại khu văn phòng và các hạng mục phụ trợ khác bố trí các chậu cây cảnh, đảm bảo mật độ tối thiểu bằng 20% tổng diện tích khu vực Dự án.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án: (Chi tiết tại bảng 5.1, mục 5.1)

3. Các công trình và biện pháp BVMT của Dự án: (Chi tiết tại bảng 5.1, mục 5.1)

4. Danh mục công trình BVMT chính của Dự án: (Chi tiết tại bảng 5.1, mục 5.1)

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

2	Nước thải sinh hoạt	- Xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn.	02 bể	- Chi phí xây dựng: Đã được xây dựng trong giai đoạn thi công.
	Nước mưa chảy tràn qua khu vực thông thường	- Thu gom nước mưa bằng hệ thống thu gom có bố trí các hố ga và song chắn rác trước khi thoát ra môi trường. - Thu gom nước thải vào các hố ga và xử lý trước khi thoát ra môi trường.	01 hệ thống 01 hệ thống	
3	Chất thải rắn	- Thùng đựng rác (mua bỏ sung thêm 01 thùng).	120 lít	2.200
		- Hợp đồng Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh thu gom và đưa đi xử lý.	-	Theo hợp đồng
		- Thùng chứa CTNH.	60 lít	1.200
		- Trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC. - Lắp đặt hệ thống chống sét.	-	Theo quy định

- + Ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò sấy
- Thông số giám sát:
- + Ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi bằng túi vải: Bụi, lưu lượng thải.
- + Ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò sấy: Nhiệt độ, bụi, CO, NO_x, SO₂, lưu lượng khí thải.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20:2009/BTNMT; Tiêu chuẩn theo Quyết định 3733/QĐ-BYT.
- b) Giám sát chất thải rắn*
- Thông số giám sát: Tổng lượng thải, thành phần.
- Vị trí giám sát: tại vị trí tập kết rác thải của Nhà máy.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- c) Giám sát sự cố*
- Thông số giám sát: Sự cố về điện, sự cố cháy nổ, giám sát việc tuân thủ nguyên tắc an toàn lao động.
- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực Dự án.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Quản lý và xử lý bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT, QCVN 26:2016/BYT (quy định điều kiện vi khí hậu nơi làm việc), QCVN 02:2019/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc), QCVN 03:2019/BYT (Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc);
- Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 24/2016/BYT (mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc);
- Quản lý và xử lý nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, QCVN 40:2011/BTNMT;
- Thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý CTR, quản lý CTNH theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH và các văn bản hướng dẫn liên quan; tuân thủ các quy trình về đảm bảo an toàn lao động, phòng ngừa, ứng phó với các sự cố môi trường;
- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ theo nội dung của phụ lục đính kèm quyết định này; định kỳ tối thiểu 1 năm/lần báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện công tác Bảo vệ môi trường của cơ sở về Sở Tài nguyên và Môi trường.

UBND XÃ GIO QUANG
Số: 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v thu gom vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt)

Số:DĐKT

- Căn cứ Quy định tại Bộ Luật dân sự và Luật thương mại
- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005
- Căn cứ Quyết định số 01/QĐ/UBND ngày 20/01/2019 của UBND tỉnh "Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị"
- Căn cứ Quyết định số 01/QĐ/UBND ngày 01 tháng 9 năm 2013 của UBND xã Gio Quang V/v Ban hành quy định chức năng quyền hạn cơ cấu tổ chức và hoạt động của đội thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Gio Quang "
- Căn cứ nhu cầu của Công ty Kim Long
- Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2022

Chúng tôi gồm có:

A: ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY TNHH VẠN GỖ THUẬN
Đại diện ông(bà): Trần Khánh Toàn Chức vụ: Phó Giám Đốc



Địa chỉ: KCN Quán Ngang - xã Gio Quang - huyện Gio Linh - Tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0944.150.117

B: ĐẠI DIỆN BÊN B: ĐỘI THU GOM RÁC THẢI XÃ GIO QUANG

Đại diện ông (bà): Hoàng Thị Tình

Địa chỉ: Thôn Tân Kỳ - xã Gio Quang - huyện Gio Linh - Tỉnh Quảng Trị

Chức vụ: Đội trưởng thu gom rác thải

STK: 3905205075642 tại NHNN&PTNT Gio Linh. ĐT: 0913.334 357

Sau khi bàn bạc 2 bên thống nhất ký hợp đồng về việc thu gom và vận chuyển rác thải với các điều kiện cụ thể như sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

1.1: Trong khuôn khổ hợp đồng này bên B chịu trách nhiệm bốc xếp vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt cho bên A

1.2: Rác thải độc hại không nằm trong vi phạm bốc xếp vận chuyển và xử lý rác thải của hợp đồng này

Điều 2: Giá cả hình thức và phương thức thanh toán :

Đơn giá: 500.000đ/ 01 tháng

Phương thức thanh toán:.....

Điều 3: Thời gian và địa điểm thực hiện hợp đồng

Thời gian hợp đồng: Từ ngày 01/6/2022 đến hết ngày 30/12/2022

Thời gian thu gom: 1 tuần/1 lần vào thứ 2 hàng tuần

Điều 4: Trách nhiệm của các bên :

Bên A: Tập kết rác thải đúng nơi quy định thanh toán đầy đủ các khoản phí theo hợp đồng

Bên B: Thực hiện thu gom vận chuyển xử lý rác đảm bảo vệ sinh môi trường cho bên A theo quy định chung

Điều 5: Điều khoản chung:

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2022 cho đến khi thay đổi một trong các nội dung của hợp đồng này.

Trong quá trình thu gom 1 tháng thấy khối lượng rác nhiều hơn so với quy định 2 bên cùng nhau xác định khối lượng rác thu gom làm căn cứ điều chỉnh mức phí cho phù hợp quy định

Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có xảy ra vướng mắc hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết. Nếu không giải quyết được tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại tòa án nhân dân huyện Gio Linh

Hợp đồng được thành lập 3 bản có giá trị như nhau . Bên A giữ 01 bản và bên B giữ 02 bản .



Đại diện bên A

Trần Khánh Toàn



TM.UBND xã
CHỤTỊCH
PHÓ CHỤTỊCH

Nguyễn Ngọc Phượng

Đại diện bên B
TM. ĐTGRT SH
ĐỘI TRƯỞNG

Hoàng Thị Tình

HÌNH ẢNH HIỆN TRẠNG KHU VỰC DỰ ÁN



Hệ thống thu gom, xử lý và thoát bụi, khí thải

HÌNH ẢNH HIỆN TRẠNG KHU VỰC DỰ ÁN



Khu hồ làm mát và bể lọc nước mưa



Đồng hồ đo lưu lượng nước thải kết nối vào HTXL KCN Quảng ngang



Khu kho trong nhà và cửa xẻ



Khu xưởng sản xuất



Kho chứa mùn cưa, gỗ bìa để đốt lò

ĐI QUỐC LỘ 1A

ĐƯỜNG TRUNG TÂM RD-02

ĐƯỜNG RD-06

CÔNG CHÉNH

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

ĐƯỜNG BK

TỔNG MẶT BẰNG SAU ĐIỀU CHỈNH
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VENEER VÀ HÀNG NỘI THẤT KIM LONG



CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG
NHẤT TÂM
Địa chỉ: 7, phường 3, Đông Hà, Quảng Trị
TEL: 091837333 - 091412700
Email: tungphat09@gmail.com

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:

KS VÕ LÊ THƯỜNG THẠCH
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHECK BY:

KS VÕ LÊ THƯỜNG THẠCH
CHỦ THIẾT - MAIN DESIGNER:

KS NGUYỄN THANH SƠN
THIẾT KẾ - DESIGN BY:

KS NGUYỄN THANH SƠN
HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT:
NHÀ MÁY
SẢN XUẤT VENEER VÀ HÀNG NỘI THẤT
ĐỊA ĐIỂM: KCN HƯNG GIANG - QUẢNG TRỊ
HẠNG MỤC - PART:
NHÀ SẢN XUẤT VENEER VÀ HÀNG NỘI THẤT
KIM LONG VENEER

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:
TỔNG MẶT BẰNG

Tỷ lệ - SCALE: 0
VERSION: 0
HỌ TÊN - DESIGNER: 03/2021

Mã dự án - PROJECT CODE: NTKL-21-KT-01
Số nội dung vẽ - DRAWING NO: KT: 01

SẴN SẴI - REVISION

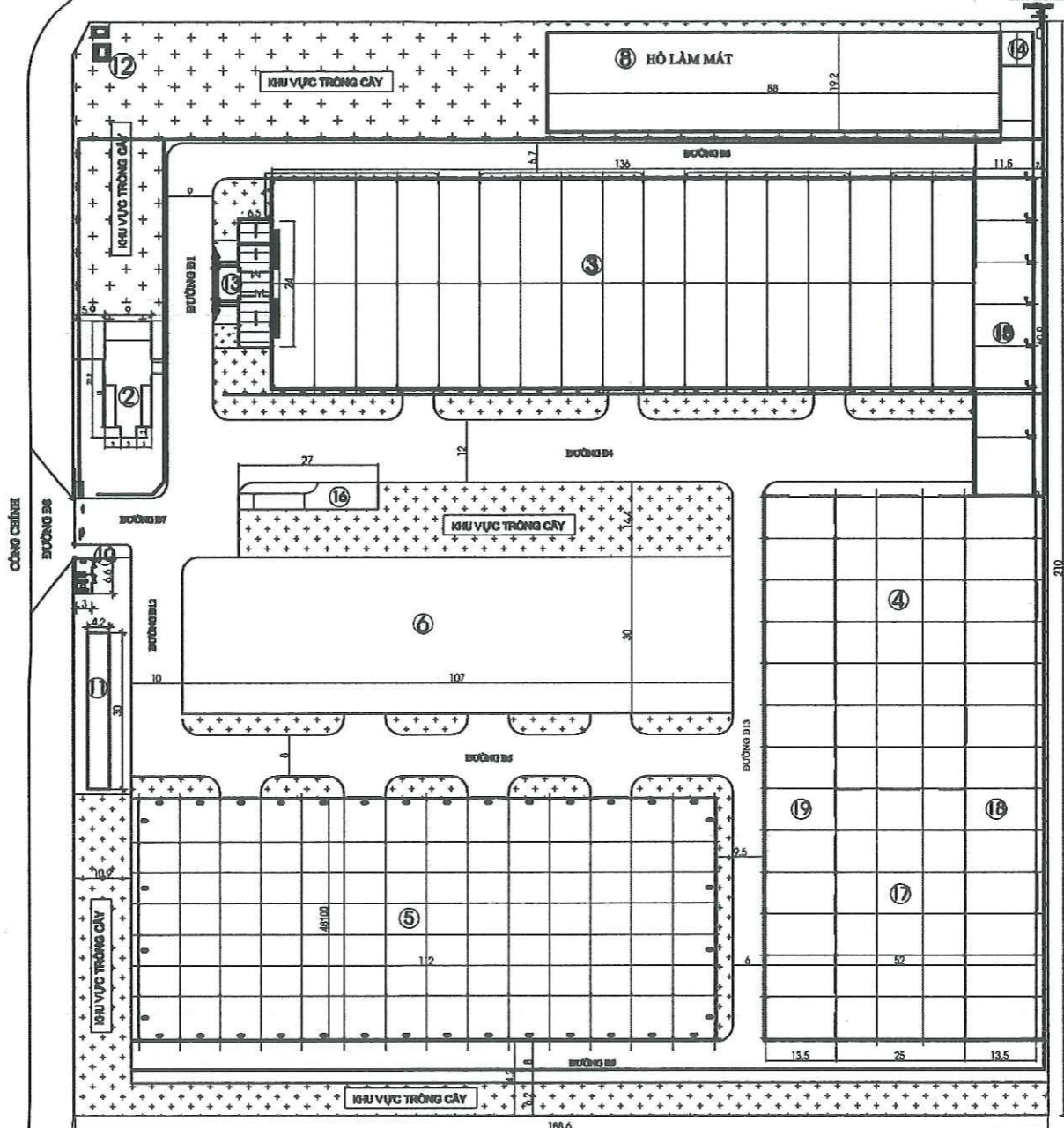
Lần No.	Ngày DATE	Nội dung CONTENT

STT	Ký hiệu	Hạng mục	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I CÁC Hạng MỤC XÂY DỰNG							
1	13	Nhà điều hành nhà máy	24.0	7.5	177.0	0.44	
2	2	Nhà sản xuất veneer	22.2	9.0	199.8	0.51	
3	3	Nhà sản xuất veneer	116.0	40.5	4698.0	13.05	
4	4	Nhà sản xuất veneer	56.0	25	1400.0	3.55	
5	8	Nhà sản xuất veneer	88.0	19.2	1689.6	4.28	
6	19	Nhà sản xuất veneer	0.0	3.0	19.80	0.05	
7	11	Nhà sản xuất veneer	30.0	4.0	120.0	0.30	
8	12	Nhà sản xuất veneer	7.0	3.0	21.0	0.05	
9	13	Mái che nhà máy	58.3	11.5	670.35	1.73	
10	5	Nhà sản xuất hàng nội thất	112.0	46.3	5163.2	13.98	Điều chỉnh diện tích mái che nhà máy
11	8	Khu vực trồng cây	107.0	30.0	3210.0	8.13	Điều chỉnh diện tích trồng cây
12	16	Khu vực trồng cây	27.0	12.0	324.0	0.83	Điều chỉnh diện tích trồng cây
13	17	Khu vực trồng cây	80.0	25.0	2000.0	5.19	Điều chỉnh diện tích trồng cây
14	18	Khu vực trồng cây	114.0	13.5	1539.0	3.96	Điều chỉnh diện tích trồng cây
15	14	Khu vực trồng cây	5.3	3.1	16.41	0.04	Điều chỉnh diện tích trồng cây
16	19	Khu vực trồng cây	102.0	13.5	1377.0	3.56	Điều chỉnh diện tích trồng cây
II TỶ LỆ XÂY DỰNG							
TỶ LỆ XÂY DỰNG					22.356	56.70	
MẶT ĐƯỜNG GIỮA TRƯỜNG					6.256	16.67	
MẶT CỎ XANH					10.027	25.47	Thay đổi cây xanh
TỔNG					39.269	100	

ĐI QUỐC LỘ 1A

ĐƯỜNG TRUNG TÂM RD-02

ĐIỂM XIN ĐẦU NỐI CẤP NƯỚC



MẶT BẰNG CẤP NƯỚC SAU ĐIỀU CHỈNH
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT VENEER VÀ HÀNG NỘI THẤT KIM LONG

TỔNG MẶT BẰNG SAU ĐIỀU CHỈNH

STT	Nhóm	Tên gọi	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I. CẤU HẠNG MỤC XÂY DỰNG							
1	13	Nhà điều hành kho xuất	24.0	7.2	172.8	0.24	
2	7	Nhà ăn công nhân	22.2	9.0	199.8	0.31	
3	3	Nhà sản xuất veneer	136.0	40.5	5,508.0	13.05	
4	4	Nhà gỗ nội thất	56.0	25	1,400.0	3.35	
5	8	Hồ nước (bể nước)	88.0	19.2	1,689.6	4.28	
6	10	Nhà bảo vệ	8.0	3.0	24.0	0.05	
7	11	Nhà để xe	30.0	4.0	1,200.0	0.80	
8	12	Trạm biến áp	7.0	3.0	21.0	0.09	
9	15	Mái che tải trọng	58.1	11.5	668.2	1.70	
10	5	Nhà sản xuất hàng nội thất	112.0	46.1	5,163.2	13.08	Điều chỉnh giữa các mặt
11	6	Kho hàng Veneer	107.0	30.0	3,210.0	8.13	Điều chỉnh giữa các mặt
12	16	Bãi cây			162	0.41	Bãi sân
13	17	Kho vận chuyển	48.0	25.0	1,200.0	3.04	Bãi sân
14	18	Bãi cây số 2	134.0	13.5	1,809.0	4.56	Bãi sân
15	14	Hồ nước (bể nước)	5.4	2.1	11.3	0.07	Bãi sân
16	19	Mái che số 1	104.0	13.1	1,362.4	3.50	Bãi sân
II. TỶ LỆ XÂY DỰNG							
TỶ LỆ XÂY DỰNG					22,386	56.70	
H. ĐƯỜNG GIỚI THỂ					6,256	17.67	
III. CÂY XANH					10,027	25.47	Trên tỷ lệ xây dựng
TỔNG					39,269	100	



CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT TÂM
 Khu phố 7, phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
 TEL: 0916287203 - 0914127000
 Email: nhattam@nhattam.com

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:

KS VÕ LÊ TRƯỜNG THẠCH
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHECK BY:

KS VÕ LÊ TRƯỜNG THẠCH
CHỦ THIẾT - MAIN DESIGNER:

KS NGUYỄN THANH SƠN
THIẾT KẾ - DESIGN BY:

KS NGUYỄN THANH SƠN
HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VENEER VÀ HÀNG NỘI THẤT
QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - QUẢNG THỊ THUẬN AN

HẠNG MỤC - NAME:
NHÀ SẢN XUẤT HÀNG NỘI THẤT VÀ SẢN XUẤT VENEER

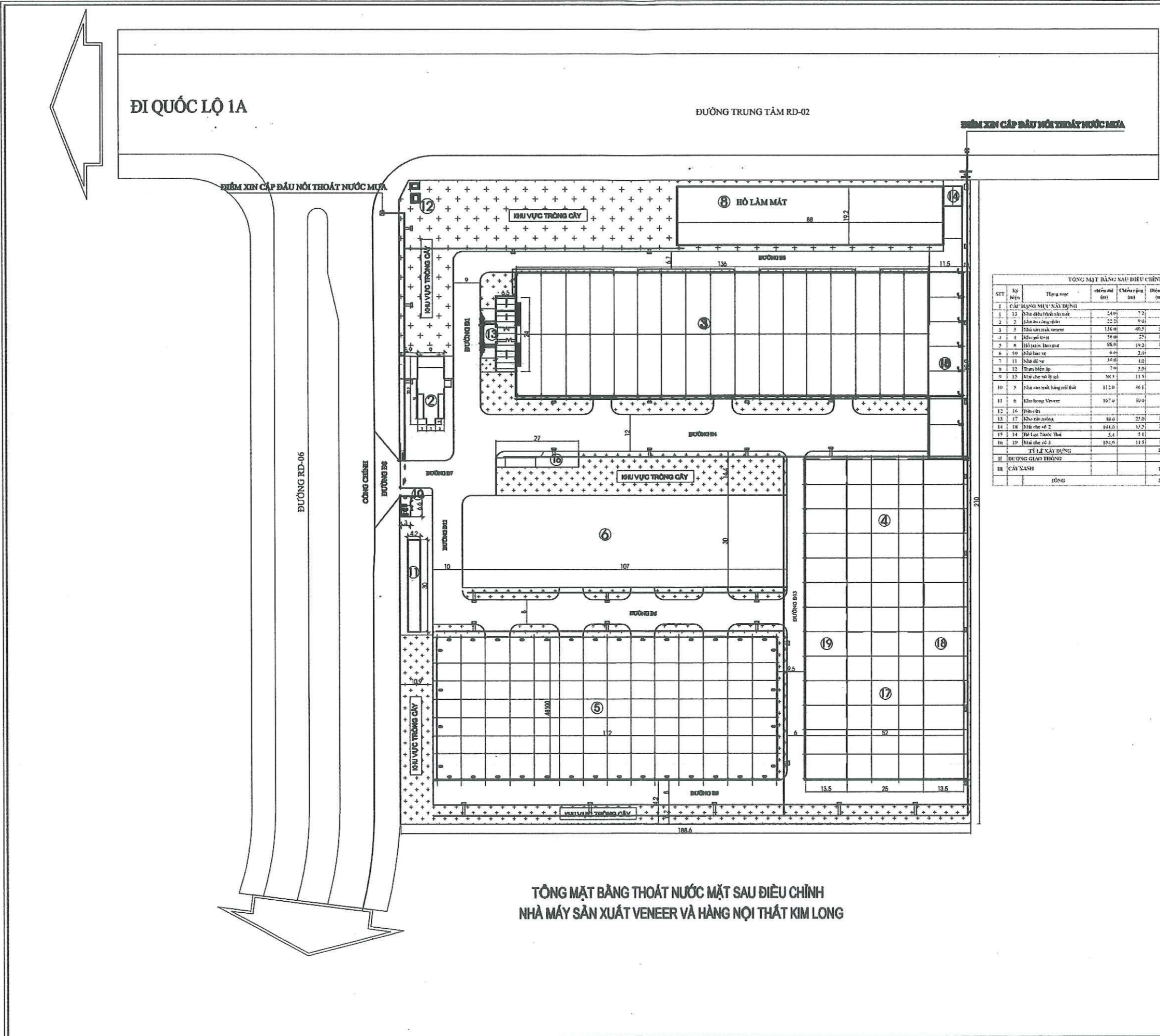
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

TỶ LỆ - SCALE: VẼ: 0
HOÀN THÀNH - DATE: 03/2021

MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE: NTKL-21-KT-01
SỐ BẢN VẼ - SHEET NO.: KT: 03

SẴN SẴI - REVISION

LẦN NO.	NGÀY ĐÃI	NỘI DUNG CHỈNH



TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MẶT SAU ĐIỀU CHỈNH
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT VENEER VÀ HÀNG NỘI THẤT KIM LONG



CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT TÂM
 Khu phố 7, phường 3, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh
 TEL: 0711337333 - 0714127700
 Email: nhattam@nhattam.com.vn

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:

KS VÕ LÊ TRƯỜNG THẠCH
GIÁM LÝ KỸ THUẬT - CHECK IN:

KS VÕ LÊ TRƯỜNG THẠCH
CHỦ THÌ - MAIN DESIGNER:

KS NGUYỄN THANH SƠN
THİẾ KẾ - DESIGN BY:

HỒ SƠ THİẾ KẾ - DESIGN STATUS:
THİẾ KẾ BẢN VẼ TỈ SỐ CÔNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VENEER VÀ HÀNG NỘI THẤT
 QUẬN ĐÔNG ANH THÀNH PHỐ HÀ NỘI - QUẢNG TRAM
HẠNG MỤC - PART:
NHÀ SẢN XUẤT HÀNG NỘI THẤT VÀ HÀNG VENEER

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MẶT

TỶ LỆ - SCALE:	VERSION:	NGÀY BAN HÀNH - ISSUE DATE:
-	0	03/2021
MÃ SỐ ÁN - PROJECT CODE:	SỐ BẢN VẼ - SHEET NO.:	
NMKL-21-KT-01	KT: 04	

SỬA ĐỔI - REVISION		
LẦN SỐ - NO.	NGÀY ĐÃI - DATE	NỘI DUNG CHỈNH - CONTENT

TỔNG MẶT BẰNG SAU ĐIỀU CHỈNH							
STT	Ký hiệu	Tên gọi	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	Chú thích
1	CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG						
1	13	Nhà điều khiển vận hành	24.0	7.2	172.8	0.44	
2	2	Nhà vệ sinh công nhân	22.2	9.0	199.8	0.51	
3	3	Nhà sản xuất veneer	136.0	40.5	5,508.0	13.94	
4	4	Hàng nội thất	56.0	25	1,400.0	3.55	
5	8	Hồ nước Imhoff	88.0	19.2	1,689.6	4.28	
6	10	Nhà bảo vệ	6.0	3.0	19.0	0.05	
7	11	Nhà để xe	38.0	1.0	120.0	0.30	
8	12	Trạm biến áp	7.0	2.0	25.0	0.09	
9	15	Mặt che số 1	88.1	11.5	1,013.3	2.70	
10	5	Nhà chứa nước bằng nổi thời	112.0	36.1	4,043.2	10.38	Điều chỉnh
11	6	Nhà hàng Veneer	167.9	19.0	3,190.1	8.13	Điều chỉnh
12	16	Bể lắng			162	0.41	Hồ nước
13	17	Nhà vận hành	48.0	25.0	1,200.0	3.04	Hồ nước
14	18	Mặt che số 2	104.0	12.5	1,300.0	3.36	Hồ nước
15	14	Hàng nội thất	5.1	1.1	27.3	0.07	Hồ nước
16	19	Mặt che số 3	184.0	11.5	2,116.0	5.39	Hồ nước
		TỔNG MẶT BẰNG			22,286	56.79	
		II DIỆN TÍCH GIỚI HẠN			6,856	17.67	
		III CẤP XANH			10,027	25.47	Thuyết minh
		TỔNG			39,249	100	

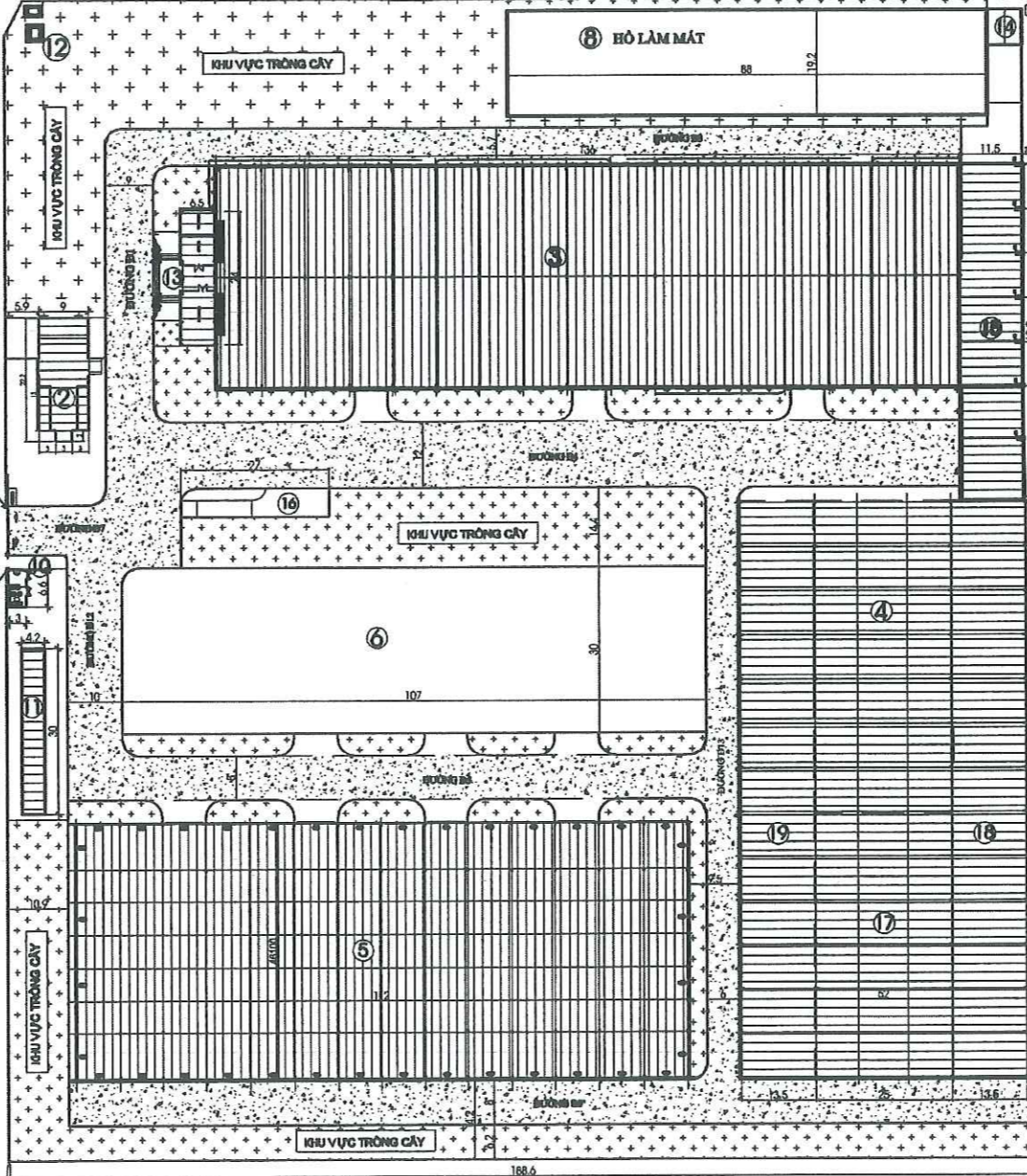
ĐI QUỐC LỘ 1A

ĐƯỜNG TRUNG TÂM RD-02

ĐƯỜNG RD-06

CÔNG TRÌNH

ĐƯỜNG B8



MẶT BẰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG MÁI SAU ĐIỀU CHỈNH
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VENEER VÀ HÀNG NỘI THẤT KIM LONG

TỔNG MẶT BẰNG SAU ĐIỀU CHỈNH							
STT	No Mốc	Thùng công	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I CẤP HẠNG MỤC XÂY DỰNG							
1	13	Nhà điều hành sản xuất	24,0	7,2	172,8	0,44 %	
2	7	Nhà vệ công nhân	22,2	8,0	177,6	0,45 %	
3	1	Nhà sản xuất veneer	126,0	49,5	6258,0	15,95 %	
4	1	Nhà gỗ tre	96,0	2,5	2400,0	6,15 %	
5	8	Hồ nước thu nước	88,0	19,2	1689,6	4,28 %	
6	10	Nhà bảo vệ	6,6	3,0	19,8	0,05 %	
7	11	Nhà để xe	30,0	1,0	30,0	0,08 %	
8	12	Trạm biến áp	7,0	5,0	35,0	0,09 %	
9	15	Mái che xe ô tô	58,1	11,5	668,15	1,71 %	
10	5	Nhà con nuôi hàng nội thất	112,0	46,1	5163,2	13,38 %	Điều chỉnh
11	6	Nhà hàng Veneer	107,0	39,9	4269,3	11,13 %	Điều chỉnh
12	16	Bùn cây			162	0,41 %	Điều chỉnh
13	17	Nhà vận chuyển	80,0	25,0	2000,0	5,16 %	Điều chỉnh
14	19	Nhà che số 2	194,0	13,5	2619,0	6,74 %	Điều chỉnh
15	14	Bể lọc nước thải	5,4	1,1	5,94	0,02 %	Điều chỉnh
16	19	Mái che số 3	104,0	17,5	1820,0	4,66 %	Điều chỉnh
II TỶ LỆ XÂY DỰNG							
TỔNG MẶT BẰNG					22.346	56,79 %	
HƯỞNG GIAO THÔNG					6.826	17,67 %	
HƯỞNG CÁN XANH					10.627	27,47 %	Thuyết minh
TỔNG					39.799	100 %	



CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT TÂM
 Khu phố 7, phường 3, Đông Hà, Quảng Trị
 TEL: 070272733 - 071412700
 Email: nhattam@nhattam.com

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:

KS VÕ LÊ TRƯỜNG THẠCH
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHECK BY:

KS VÕ LÊ TRƯỜNG THẠCH
CHỦ THIẾT - MAIN DESIGNER:

KS NGUYỄN THANH SƠN
THIẾT KẾ - DESIGN BY:

KS NGUYỄN THANH SƠN
HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VENEER VÀ HÀNG NỘI THẤT
CHAI GIẾM BACH HUU GIANG HANGS - QUẢNG BÌNH
HẠNG MỤC - NAME:
NHÀ SẢN XUẤT VENEER VÀ HÀNG NỘI THẤT
KIM LONG VENEER

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:
MẶT BẰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG

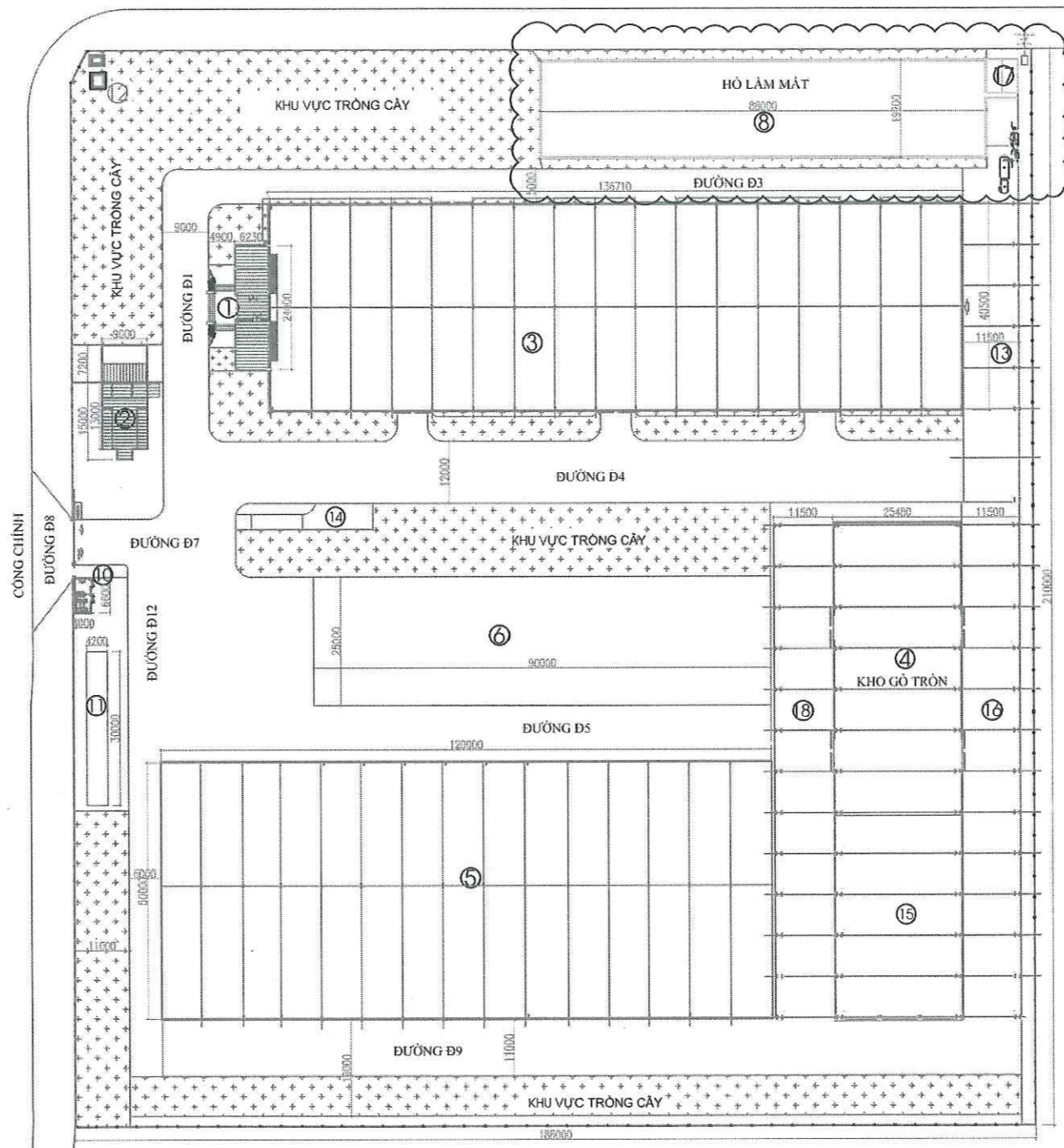
TỶ LỆ - SCALE: 0
VERSION: 0
NGÀY BAN HÀNH - ISSUE DATE: 03/2021

MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE: NMKL-21-KT-01
SỐ BẢN VẼ - SHEET NO.: KT: 06

SỬA ĐỔI - REVISION

LẦN NO.	NGÀY ĐÃI	NỘI DUNG CHỈNH

ĐI QUỐC LỘ 1A



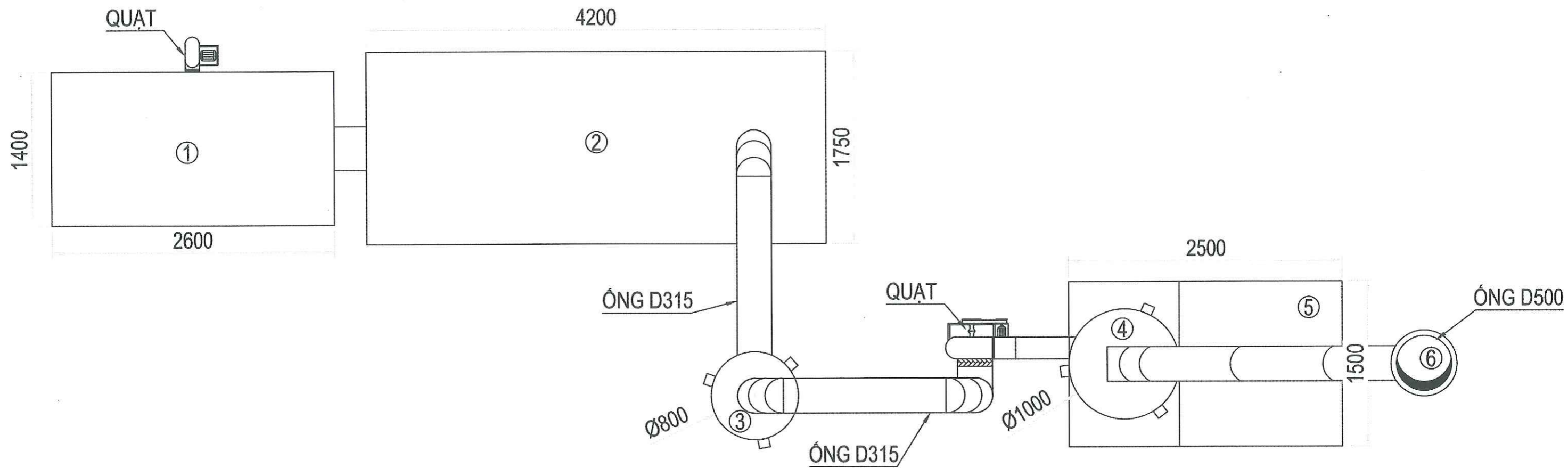
VỊ TRÍ KHU XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ ĐỐT + HỒ NƯỚC

- 1. NHÀ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT
- 2. NHÀ ĂN CÔNG NHÂN
- 3. NHÀ SẢN XUẤT VENEER
- 4. KHO GỖ TRÒN
- 5. NHÀ SẢN XUẤT VÁN FLYWOOD
- 6. KHO HONG VENEER
- 8. HỒ NƯỚC LẠM MÁT
- 9. ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- 10. NHÀ BẢO VỆ
- 11. NHÀ ĐỂ XE
- 12. TRẠM BIẾN ÁP
- 13. MÁI CHE XỬ LÝ GỖ
- 14. BÀN CÁN
- 15. KHO VÁN MŨNG
- 16. MÁI CHE SỐ 2
- 17. BỂ LỌC NƯỚC MƯA
- 18. MÁI CHE SỐ 3

MẶT BẰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN VENEER VÀ FLYWOOD KIM LONG
CHỦ ĐẦU TƯ

M.S.D.V. 530678
CÔNG TY TNHH
VÁN GỖ
THUẬN AN
TỈNH Trà Vinh



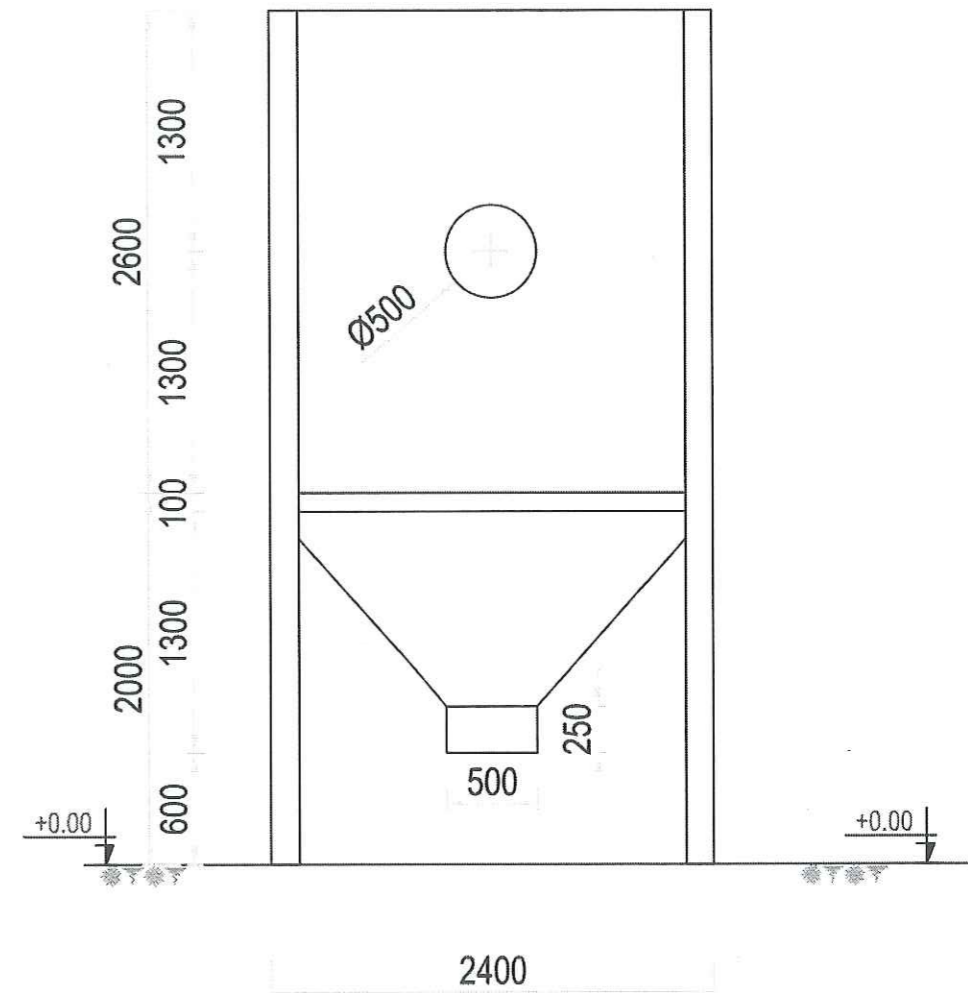
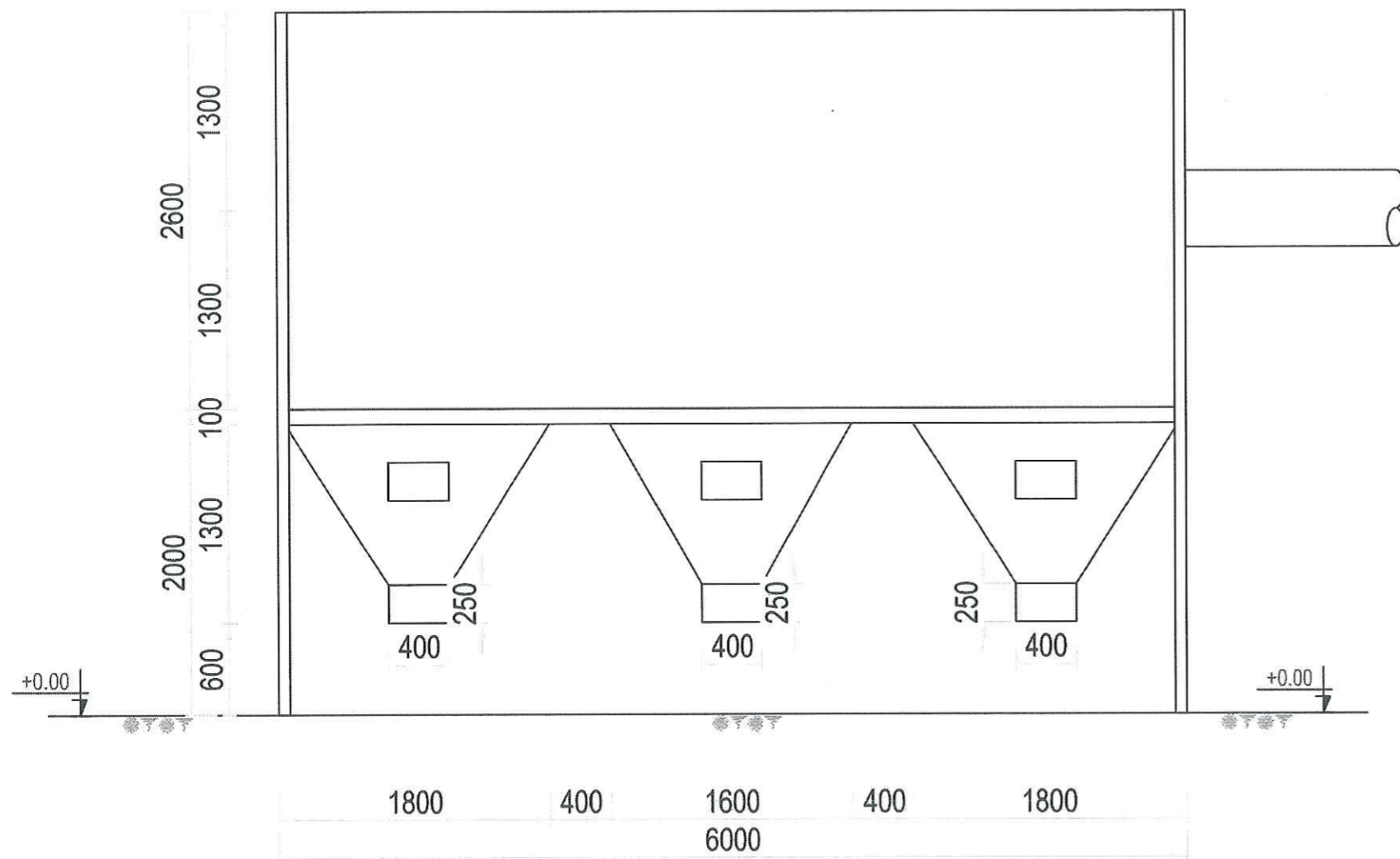
MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ ĐỐT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN VENEER VÀ FLYWOOD KIM LONG

CHỦ ĐẦU TƯ



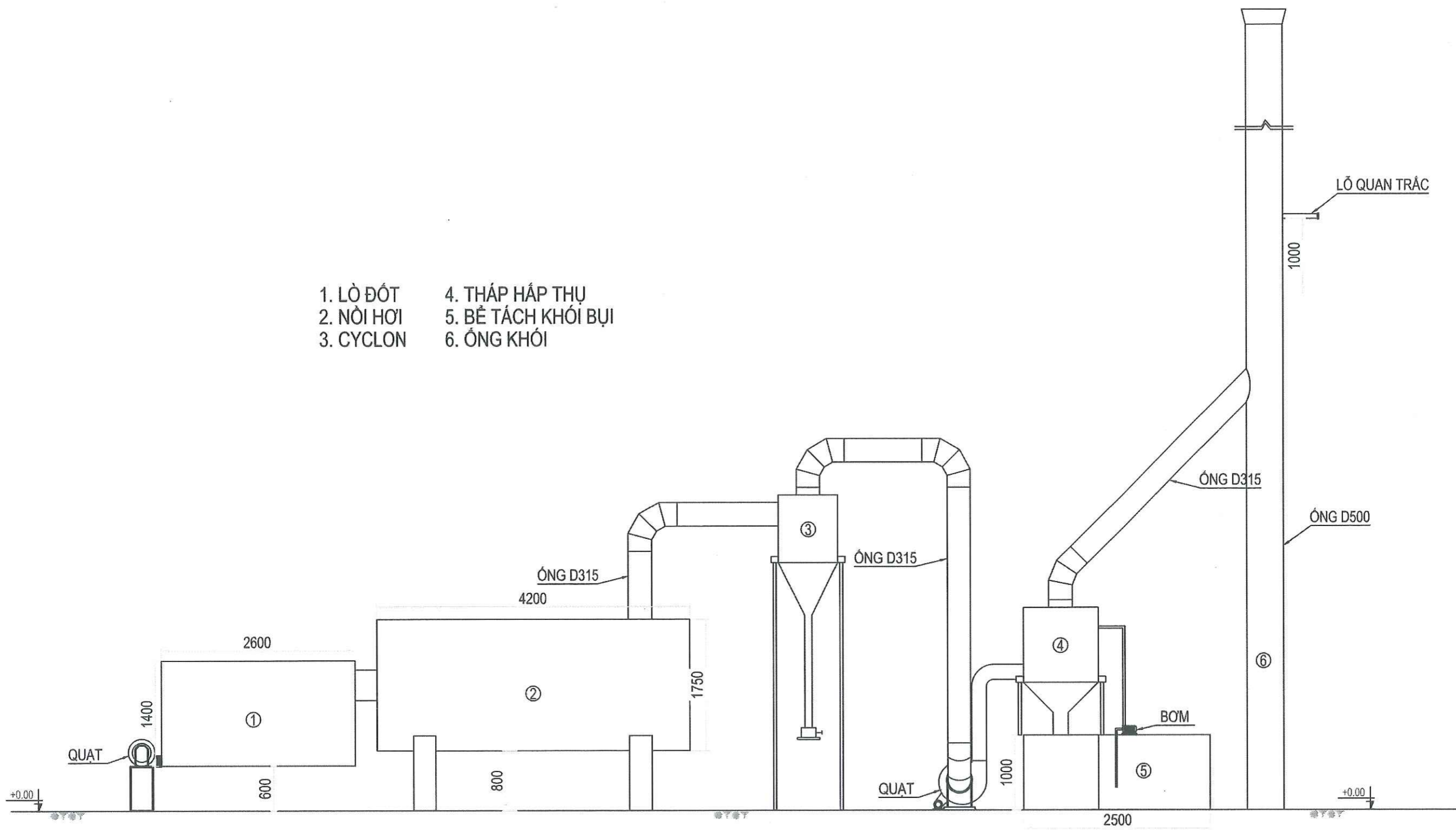
Đỗ Thanh Tây



BẢN VẼ MẶT ĐỨNG HỆ THỐNG XI LO CHỨA

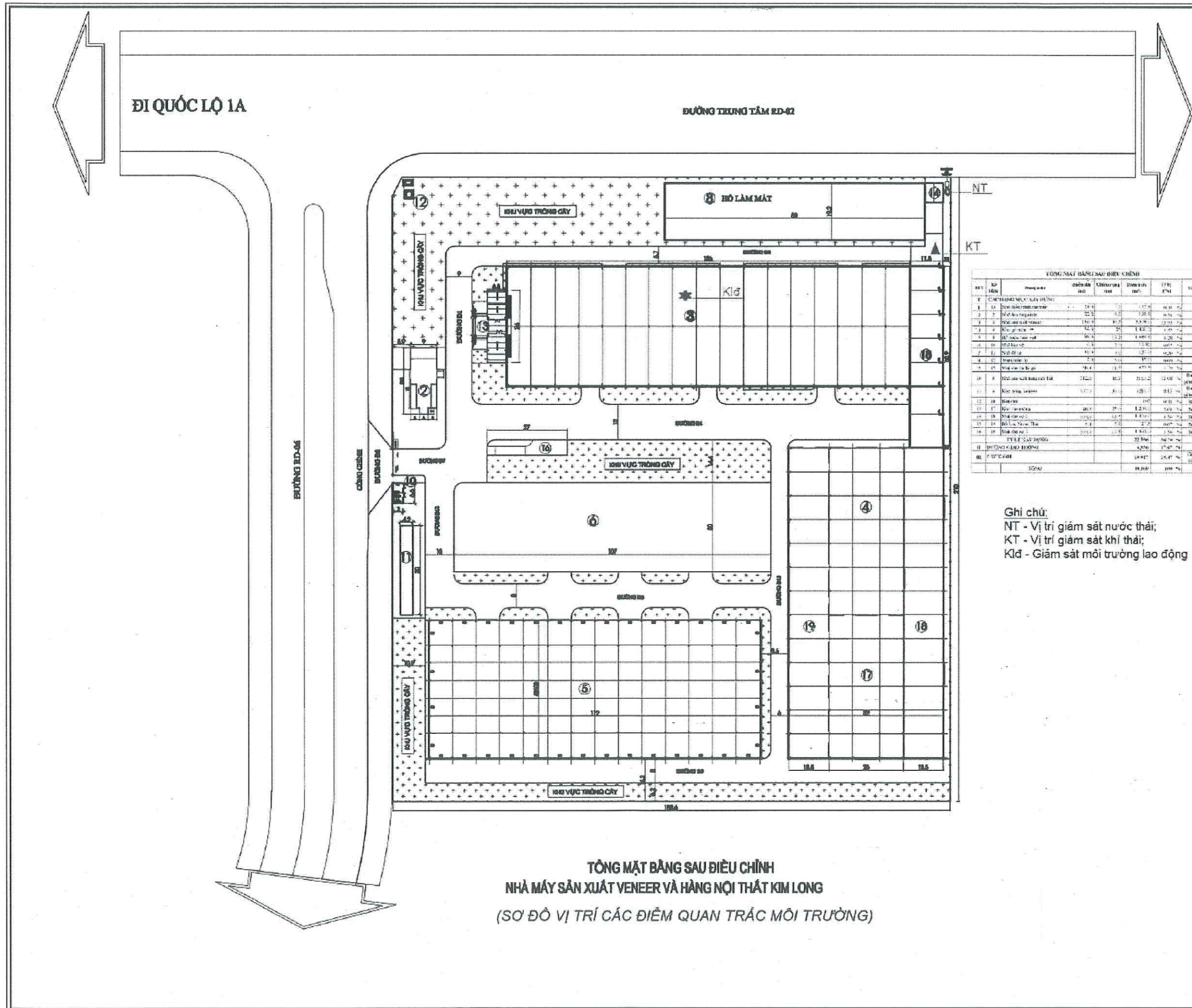
BẢN VẼ HOÀN CÔNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN VENEER VÀ FLYWOOD KIM LONG	
CHỦ ĐẦU TƯ	

- 1. LÒ ĐỐT
- 2. NỒI HƠI
- 3. CYCLON
- 4. THÁP HẤP THỤ
- 5. BỂ TÁCH KHÍ BỤI
- 6. ỒNG KHÍ



MẶT ĐỨNG CÔNG NGHỆ XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ ĐỐT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN VENEER VÀ FLYWOOD KIM LONG
 CHỦ ĐẦU TƯ
 CÔNG TY TNHH
 VÁN GỖ
 THUẬN AN
 M.S.D.N: 200630678 - C.T. TNHH
Trần Thanh Tây



TỔNG MẶT BẰNG SAU ĐIỀU CHỈNH
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VENEER VÀ HÀNG NỘI THẤT KIM LONG
 (SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG)

TỔNG MẶT BẰNG SAU ĐIỀU CHỈNH

STT	TÊN	Diện tích (m ²)	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Điểm số	Đơn vị	Ngày	Địa điểm
1	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
2	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
3	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
4	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
5	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
6	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
7	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
8	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
9	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
10	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
11	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
12	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
13	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
14	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
15	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
16	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
17	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
18	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
19	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
20	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
21	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
22	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
23	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
24	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
25	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
26	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
27	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
28	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
29	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
30	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
31	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
32	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
33	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
34	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
35	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
36	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
37	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
38	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
39	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
40	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
41	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
42	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
43	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
44	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
45	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
46	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
47	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
48	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
49	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
50	CHỖ ĐÓNG MỘC (CÁI ĐÌNH)	14.0	14.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0

Ghi chú:
 NT - Vị trí giám sát nước thải;
 KT - Vị trí giám sát khí thải;
 Kios - Giám sát môi trường lao động

Chủ đầu tư - CHỦ:
CÔNG TY TNHH KIM LONG QUẢNG TRỊ

Sơ vị thiết kế - CONSULTANT:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT TÂM
 Địa chỉ: 7, phường 2, thành phố, Quảng Trị
 Điện thoại: 0912345678
 Email: nhattam@nhattam.com

Giám đốc - DIRECTOR:

Kỹ sư trưởng thực hiện:
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - CHECKER:

Kỹ sư trưởng thực hiện:
Chủ trì - MAIN DESIGNER:

Kỹ sư Nguyễn Thành Sơn:
Thiết kế - DESIGNER:

Kỹ sư Nguyễn Thành Sơn:
Hồ sơ thiết kế - DESIGN STATUS:
Thiết kế bản vẽ thi công

Công thức - FORMULA:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VENEER VÀ HÀNG NỘI THẤT KIM LONG
 Địa chỉ: KCN KIM QUANG HƯƠNG - QUẢNG TRỊ
Hạng mục - ITEM:
NHÀ SẢN XUẤT NỘI THẤT KIM LONG VENEER

Tên bản vẽ - DRAWING NAME:
Sơ đồ mặt bằng

Tỷ lệ - SCALE:	Version:	Ngày xuất bản - ISSUE DATE:
1:1000	0	03/2021
Mã dự án - PROJECT CODE:	Số người vẽ - DRAWER:	
NKQC-21-KT-01	KT: 01	

Sân số - NUMBER:

Lần số - NO.:	Ngày ban hành - DATE:	Hội đồng thẩm định - COMMITTEE: